

CTY CP ĐẠI LÝ GNVN XD TÂN CẢNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế
trên BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2025
sau soát xét kiểm toán*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2025

Kính gửi : UBCK Nhà nước ;
Sở GD&ĐT TP Hồ Chí Minh ;
Phòng Thẩm định và Quản lý Niêm yết.

1. Tên tổ chức phát hành : Công ty cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng
2. Tên giao dịch : Tancang Logistics
3. Mã chứng khoán niêm yết : TCL
4. Nội dung : Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất sau soát xét kiểm toán so với trước soát xét; chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất sau soát xét 6 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024

4.1 Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế (LN) trên báo cáo tài chính hợp nhất trước và sau soát xét kiểm toán:

+ LN sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 sau soát xét : 81.77 tỷ đồng
+ LN sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 trước soát xét : 77.12 tỷ đồng
+ Chênh lệch tăng : 4.65 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế sau soát xét tăng so với trước soát xét 4.65 tỷ đồng tương đương 6.03%, nguyên nhân chênh lệch chủ yếu do chi tiêu phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết tăng 8.60 tỷ đồng tương đương tỷ lệ 75.38% làm cho LN sau thuế tăng 4.65 tỷ đồng tương đương 6.03%.

4.2 Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế (LN) trên báo cáo tài chính hợp nhất sau soát xét 6 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024:

+ LN sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 sau soát xét : 81.77 tỷ đồng
+ LN sau thuế 6 tháng đầu năm 2024 sau soát xét : 69.09 tỷ đồng
+ Chênh lệch tăng : 12.67 tỷ đồng

Nguyên nhân chênh lệch do:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2025 đạt: 857.23 tỷ đồng, tăng 12.52% so với cùng kỳ. Giá vốn hàng bán đạt 735.88 tỷ đồng, tăng 14.88% so với cùng kỳ. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết đạt 20.01 tỷ đồng, tăng 422.16% so với cùng kỳ. Dẫn tới LNTT đạt 98.29 tỷ đồng tăng 15.88% so với cùng kỳ năm trước và LNST tăng so với cùng kỳ năm trước 12.67 tỷ đồng tương đương tỷ lệ 18.34%.



Vậy Công ty cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng làm văn bản giải trình đề UBCK Nhà nước; Sở GD&ĐT TP HCM; Phòng Thẩm định và Quản lý Niêm yết được biết.

Trân trọng kính chào ! *X-tau*

Nơi nhận :

- Như trên .
- Lưu VT, P.TC-KT



GIÁM ĐỐC

Lê Văn Cường



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI
XẾP DỠ TÂN CẢNG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 36



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con (sau đây gọi là “Nhóm Công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103006182, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó thay đổi lần thứ 12 ngày 08 tháng 3 năm 2021 do thay đổi địa chỉ Công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 73073979
- Fax : 028 37423027

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Ngọc Hường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 4 năm 2025
Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 4 năm 2025
Ông Lê Văn Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2024
Ông Hoàng Đức Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021
Ông Ngô Ngọc Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022
Ông Phạm Trung Nghị	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Văn Phụng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Văn Trường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2025
Bà Lê Thị Kim Chung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Văn Cường	Giám đốc	Ngày 26 tháng 02 năm 2020
Ông Châu Thanh Hải	Phó Giám đốc	Ngày 08 tháng 02 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	Ngày 30 tháng 11 năm 2021
Ông Ngô Ngọc Khánh	Phó Giám đốc	Ngày 19 tháng 02 năm 2024
Bà Phạm Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	Ngày 29 tháng 11 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Văn Cường – Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của nhóm Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Lê Văn Cường

Ngày 26 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “nhóm Công ty”), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2025, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		680.492.119.523	663.244.375.700
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	60.758.083.257	55.519.125.648
1. Tiền	111		19.758.083.257	13.519.125.648
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.000.000.000	42.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		181.337.578.008	145.102.279.452
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	181.337.578.008	145.102.279.452
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		422.232.574.827	444.458.326.105
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	389.450.394.035	428.124.364.646
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14.363.708.203	2.399.837.389
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	19.330.930.332	14.846.581.813
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(912.457.743)	(912.457.743)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		13.286.814.970	13.096.217.340
1. Hàng tồn kho	141	V.6	13.286.814.970	13.096.217.340
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.877.068.461	5.068.427.155
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	2.871.954.281	3.125.709.558
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.942.717.597
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	5.114.180	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		440.816.872.323	447.392.005.771
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.675.300.000	17.991.300.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	9.675.300.000	17.991.300.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		236.347.720.671	247.426.512.763
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	214.353.229.407	225.303.166.653
Nguyên giá	222		907.509.871.971	904.665.685.355
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(693.156.642.564)	(679.362.518.702)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	21.994.491.264	22.123.346.110
Nguyên giá	228		28.941.911.391	28.691.911.391
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.947.420.127)	(6.568.565.281)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.187.524.821	3.408.141.075
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	4.187.524.821	3.408.141.075
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		166.354.901.463	146.340.870.928
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	139.875.421.463	119.861.390.928
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	26.479.480.000	26.479.480.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		24.251.425.368	32.225.181.005
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	24.251.425.368	32.225.181.005
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.121.308.991.846	1.110.636.381.471

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		470.856.116.876	459.983.241.926
I. Nợ ngắn hạn	310		435.517.906.876	422.039.915.170
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	305.696.121.024	272.139.149.586
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		743.434.004	507.226.395
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	19.841.607.658	12.301.808.364
4. Phải trả người lao động	314		14.016.930.610	34.736.612.159
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	43.810.487.776	20.400.109.725
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	25.607.628.471	31.149.293.587
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	5.436.556.252	32.249.712.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	20.365.141.081	18.556.003.354
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		35.338.210.000	37.943.326.756
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	35.338.210.000	36.131.626.504
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	-	1.811.700.252
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		650.452.874.970	650.653.139.545
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	650.452.874.970	650.653.139.545
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		301.584.360.000	301.584.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		301.584.360.000	301.584.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.712.126.338	20.712.126.338
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.512.000.000	1.512.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		218.433.434.026	198.962.141.295
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85.170.778.977	105.466.176.752
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		33.405.258.171	105.466.176.752
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		51.765.520.806	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		23.040.175.629	22.416.335.160
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.121.308.991.846	1.110.636.381.471

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Xuân Tân

Phạm Thị Thu Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	857.225.415.765	761.825.814.540
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		857.225.415.765	761.825.814.540
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	735.875.236.569	640.580.905.560
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		121.350.179.196	121.244.908.980
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	7.533.669.921	8.153.281.132
7. Chi phí tài chính	22		438.981.632	283.074.145
Trong đó: chi phí lãi vay	23		438.981.632	283.074.145
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	20.014.030.535	4.740.882.442
9. Chi phí bán hàng	25	VL.4	15.740.913.735	14.082.716.625
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.5	34.516.218.104	34.880.011.843
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		98.201.766.181	84.893.269.941
12. Thu nhập khác	31		146.637.559	-
13. Chi phí khác	32		61.079.892	74.821.670
14. Lợi nhuận khác	40		85.557.667	(74.821.670)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		98.287.323.848	84.818.448.271
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	16.519.656.194	15.724.401.194
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		81.767.667.654	69.094.047.077
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		81.110.993.476	69.103.593.735
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		656.674.178	(9.546.658)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.6	2.363	1.909
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL.6	2.363	1.909

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Giám đốc

Nguyễn Xuân Tân

Phạm Thị Thu Hà

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		98.287.323.848	84.818.448.271
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.7	13.945.205.511	15.360.062.676
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(27.680.335.184)	(12.882.729.283)
- Chi phí lãi vay	06		438.981.632	283.074.145
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		84.991.175.807	87.578.855.809
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		48.003.938.401	(82.558.458.287)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(190.597.630)	825.964.188
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		32.468.122.652	24.289.755.983
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.227.510.914	(2.927.687.971)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(457.456.979)	(270.641.770)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(10.831.487.178)	(11.979.475.011)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.16	15.000.000	65.400.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.16	(8.880.717.248)	(19.557.313.118)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		153.345.488.739	(4.533.600.177)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(16.438.847.635)	(3.121.492.232)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		207.510.101	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(64.000.000.000)	(31.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27.764.701.444	40.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.000.142.390	3.990.551.232
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(48.466.493.700)	9.869.059.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
		Năm nay	Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15	(28.624.856.000)	(3.624.856.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(71.015.181.430)	(433.503.778)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(99.640.037.430)	(4.058.359.778)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5.238.957.609	1.277.099.045	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	55.519.125.648	71.071.180.963
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	60.758.083.257	72.348.280.008

Người lập biểu



Nguyễn Xuân Tân

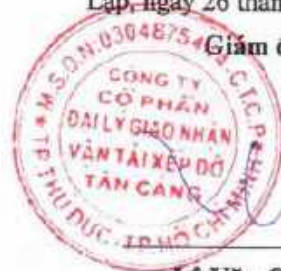
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thu Hà

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Giám đốc


Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

6. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và một công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào 1 công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai có trụ sở chính tại Cảng Tân Cảng Nhơn Trạch, Ấp 3, Xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là dịch vụ cảng biển. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 51%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ cảng biển	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 – Hải Phòng	Hạ Đoạn, phường Đồng Hải, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ cảng biển	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn	938/180 Nguyễn Thị Định, khu phố 3, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ cảng biển	24,39%	24,39%	24,39%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, có 359 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Nhóm Công ty (số đầu năm là 364 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và công ty con khác thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty trong nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của nhóm Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không, trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Nhóm Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức lập dự phòng căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Đối với hàng tồn kho là nguyên vật liệu, giá gốc hàng tồn kho được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho của nhóm Công ty chủ yếu là vật tư, phụ tùng phục vụ sửa chữa được bảo quản ở trạng thái bình thường. Do đó, nhóm Công ty không cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của nhóm Công ty chủ yếu bao gồm:

Chi phí xây dựng kho bãi

Chi phí đầu tư xây dựng bãi chứa container rỗng (depot) được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê kho bãi là 05 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 38
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Cây lâu năm	2
Tài sản cố định khác	5 - 8

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất còn lại là 35 năm 9 tháng.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Nhóm Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Nhóm Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Nhóm Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	266.778.737	401.162.811
Tiền gửi ngân hàng	19.491.304.520	13.117.962.837
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	41.000.000.000	42.000.000.000
Cộng	60.758.083.257	55.519.125.648

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 6 đến 12 tháng, lãi suất từ 4% - 5,7%/năm	181.337.578.008	145.102.279.452

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2b. Đầu tư vào công ty liên kết**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	54.000.000.000	46.535.975.766	100.535.975.766	54.000.000.000	31.689.142.718	85.689.142.718
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	33.120.000.000	(6.242.266.810)	26.877.733.190	33.120.000.000	(10.505.345.487)	22.614.654.513
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn	10.000.000.000	2.461.712.507	12.461.712.507	10.000.000.000	1.557.593.697	11.557.593.697
Cộng	97.120.000.000	42.755.421.463	139.875.421.463	97.120.000.000	22.741.390.928	119.861.390.928

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của nhóm Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	5.400.000	36,00%	5.400.000	36,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	3.312.000	36,00%	3.312.000	36,00%
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn	1.000.000	24,39%	1.000.000	24,39%

Giá trị phần sở hữu của Nhóm Công ty tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phản lãi hoặc lỗ trong kỳ	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	85.689.142.718	14.846.833.048	100.535.975.766
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	22.614.654.513	4.263.078.677	26.877.733.190
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn	11.557.593.697	904.118.810	12.461.712.507
Cộng	119.861.390.928	20.014.030.535	139.875.421.463

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Nhóm Công ty với công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	180.000.000	180.000.000
Thanh lý tài sản cho Công ty liên kết	207.510.101	-
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	192.195.980.129	134.281.511.996
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	-	4.598.617.337
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	174.240.000	874.368.000
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	482.900.900	2.783.360.900
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	179.495.593.055	194.021.268.134

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (*)	14.666.980.000	91.821.013.200	14.666.980.000	77.678.053.065
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (1.237.500 Cổ phần)	11.812.500.000	42.136.875.000	11.812.500.000	44.302.500.000
Cộng	26.479.480.000	133.957.888.200	26.479.480.000	121.980.553.065

- (*) Đây là khoản ủy thác đầu tư qua Công ty mẹ là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, nhóm Công ty sở hữu 3.558.954 cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội, tăng 464.211 cổ phần so với đầu năm do được chia cổ tức bằng cổ phiếu (số đầu năm 3.094.743 cổ phần).

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	353.683.468.121	396.032.593.166
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	347.503.220.786	387.339.185.326
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	1.558.903.875	1.672.431.300
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.640.700.440	4.428.288.200
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	124.146.000	460.185.166
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	358.083.720	93.980.520
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	94.089.600	94.089.600
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	117.617.400	144.898.740
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	-	90.149.760
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	309.288.990	725.213.706
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	256.510.909	65.601.360
Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng	22.027.740	21.657.300
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	199.113	199.113
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	-	7.912.080
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn	1.650.058.668	740.404.995
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	48.620.880	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng- Bình Dương	-	24.844.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	-	123.552.000
Phải thu các khách hàng khác	35.766.925.914	32.091.771.480
Cộng	389.450.394.035	428.124.364.646

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina E&C	12.005.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Đan Hưng	1.095.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Kỹ thuật Phúc Lâm	-	1.024.716.000
Các nhà cung cấp khác	1.263.708.203	1.375.121.389
Cộng	14.363.708.203	2.399.837.389

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	4.001.200.963	-	503.072.516	-
Công ty Cổ phần Cát Lái- Đồng Sài Gòn	247.320.000	-	247.320.000	-
- Đặt cọc thuê bãi	231.000.000	-	231.000.000	-
- Phải thu khác	16.320.000	-	16.320.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	3.304.125.000	-	-	-
- Cổ tức phải thu	-	-	-	-
Các khoản chi hộ	449.755.963	-	255.752.516	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	100.044.000	-	175.106.236	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	-	-	30.606.280	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	-	-	50.040.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng miền Bắc	349.711.963	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	15.329.729.369	-	14.343.509.297	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đồng Sài Gòn - Đặt cọc sử dụng dịch vụ	4.112.000.000	-	4.112.000.000	-
Thu chi hộ	1.069.367.761	-	1.188.375.780	-
Tạm ứng	894.199.820	-	4.229.270.653	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	7.164.000.000	-	53.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 14 ⁽ⁱ⁾	7.116.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	48.000.000	-	53.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	1.900.445.007	-	1.684.986.301	-
Các khoản phải thu người lao động	-	-	2.629.408.167	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	189.716.781	-	446.468.396	-
Cộng	19.330.930.332	-	14.846.581.813	-

- (i) Khoản đặt cọc thuê mặt bằng tại Khu công nghiệp Cát Lái có thời hạn thuê từ 08/5/2023 đến 14/3/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đặt cọc cung cấp nước	30.000.000	-	30.000.000	-
Bà Bùi Thị Nờ - Đặt cọc tiền thuê đất	300.000.000	-	300.000.000	-
Đặt cọc thuê bãi	9.345.300.000	-	17.661.300.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 14 ⁽ⁱ⁾	-	-	8.316.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vận tải Quang Minh ⁽ⁱⁱ⁾	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Tincons ⁽ⁱⁱⁱ⁾	6.345.300.000	-	6.345.300.000	-
Cộng	9.675.300.000	-	17.991.300.000	-

(i) Khoản đặt cọc thuê mặt bằng tại Khu công nghiệp Cát Lái có thời hạn thuê từ 01/11/2023 đến 31/12/2028.

(ii) Khoản đặt cọc thuê mặt và cơ sở hạ tầng tại phường Dĩ An, thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn thuê đến ngày 12/02/2029.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vật tư, phụ tùng phục vụ sửa chữa	13.286.814.970	13.096.217.340

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí quân trang, đồng phục, bảo hộ lao động	1.030.128.632	614.989.800
Chi phí bảo hiểm	670.205.427	818.988.396
Phí sử dụng đường bộ	154.970.939	173.845.769
Công cụ, dụng cụ	987.983.470	1.440.501.719
Các chi phí khác	28.665.813	77.383.874
Cộng	2.871.954.281	3.125.709.558

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa, thay mới đệm, cầu Bền đóng gao	3.967.035.504	6.598.097.448
Chi phí sửa chữa, thi công tại Tân Cảng Nhơn Trạch	12.164.794.428	14.863.582.113
Chi phí sửa chữa, cải tạo đường dây cáp nguồn điện Tân Cảng Mỹ Thủy	419.443.639	645.161.336
Thi công, sửa chữa nội thất, lắp đặt trang thiết bị tòa nhà TCL	626.129.414	1.194.121.088
Chi phí thi công, nâng cấp tại Depot Tân Cảng Mỹ Thủy 2	1.382.575.129	1.756.722.265
Chi phí thi công, xây dựng tại Depot Tân Cảng Tân Vạn	1.939.580.264	2.434.623.788
Chi phí sửa chữa cầu	3.211.322.417	4.093.823.231
Công cụ, dụng cụ	540.544.573	639.049.736
Cộng	24.251.425.368	32.225.181.005

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	276.465.973.529	554.296.185.447	59.188.649.459	2.790.058.413	80.000.000	11.844.818.507	904.665.685.355
Mua trong kỳ	-	3.225.963.889	-	-	-	178.500.000	3.404.463.889
Thanh lý, nhượng bán	(316.277.273)	-	-	-	-	(244.000.000)	(560.277.273)
Số cuối kỳ	276.149.696.256	557.522.149.336	59.188.649.459	2.790.058.413	80.000.000	11.779.318.507	907.509.871.971
Trong đó:							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.821.331.391	209.173.458.319	38.119.975.830	2.460.912.873	80.000.000	372.582.902	264.028.261.315
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	129.272.385.528	489.659.941.403	53.492.804.049	2.547.431.791	80.000.000	4.309.955.931	679.362.518.702
Khấu hao trong kỳ	5.691.012.763	5.656.007.994	1.755.722.802	54.857.592	-	1.135.868.436	14.293.469.587
Thanh lý, nhượng bán	(255.345.725)	-	-	-	-	(244.000.000)	(499.345.725)
Số cuối kỳ	134.708.052.566	495.315.949.397	55.248.526.851	2.602.289.383	80.000.000	5.201.824.367	693.156.642.564
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	147.193.588.001	64.636.244.044	5.695.845.410	242.626.622	-	7.534.862.576	225.303.166.653
Số cuối kỳ	141.441.643.690	62.206.199.939	3.940.122.608	187.769.030	-	6.577.494.140	214.353.229.407
Trong đó:							
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 67.185.492.530 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất (*)</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	27.991.682.391	700.229.000	28.691.911.391
Mua trong kỳ	-	250.000.000	250.000.000
Số cuối kỳ	27.991.682.391	950.229.000	28.941.911.391
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	580.229.000	580.229.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.939.411.555	629.153.726	6.568.565.281
Khấu hao trong kỳ	352.836.330	26.018.516	378.854.846
Số cuối kỳ	6.292.247.885	655.172.242	6.947.420.127
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	22.052.270.836	71.075.274	22.123.346.110
Số cuối kỳ	21.699.434.506	295.056.758	21.994.491.264
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

(*) Là quyền sử dụng đất tại phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2; thời hạn sử dụng đến ngày 30 tháng 8 năm 2055; đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	319.315.741	3.623.148.148	(3.654.463.889)	-	288.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	3.088.825.334	1.384.036.571	-	(573.337.084)	3.899.524.821
Dự án di dời kho xăng dầu vùng 2	1.895.623.479	-	-	-	1.895.623.479
Các công trình khác	1.193.201.855	1.384.036.571	-	(573.337.084)	2.003.901.342
Cộng	3.408.141.075	5.007.184.719	(3.654.463.889)	(573.337.084)	4.187.524.821

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	238.861.584.059	204.276.750.764
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	2.348.571.233	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	115.252.200	15.874.920
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	14.307.898.195	19.947.820.777
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	47.410.000	35.357.000
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn	48.248.090.406	32.987.606.835
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	7.937.857.145	10.055.503.043
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	167.360.670	50.447.070
Công ty TNHH Phát Triển Nguồn Nhân Lực Tân Cảng - STC	9.765.000	42.920.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	165.001.442.256	140.422.506.082
Công ty Cổ phần Vận Tải Thủy Tân Cảng	-	148.758.120
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	588.114.524	491.656.091
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	-	28.169.856
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	77.222.430	27.434.970
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng HMM	12.600.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	-	22.696.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	66.834.536.965	67.862.398.822
Cộng	305.696.121.024	272.139.149.586

Nhóm Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	216.881.929	6.839.368.046	(3.542.172.209)	3.514.077.766	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.368.490.106	16.519.656.194	(10.831.487.178)	16.056.659.122	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ bên liên doanh	1.277.903.490	-	(1.277.903.490)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	438.532.839	6.384.985.001	(6.557.761.250)	270.870.770	5.114.180
Thuế môn bài	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
Thuế nhà thầu	-	14.686.465	(14.686.465)	-	-
Cộng	12.301.808.364	29.766.695.706	(22.232.010.592)	19.841.607.658	5.114.180

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho tiền bán nước là 5%, dịch vụ khác là 8%, 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong nhóm Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	30.198.858.137	14.837.217.982
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	10.056.316.411	5.414.784.322
Chi phí thuê đất, cơ sở hạ tầng	6.165.395.339	3.372.386.322
Chi phí thuê phương tiện, vận chuyển, xếp dỡ	3.890.921.072	2.042.398.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	18.475.804.493	9.265.433.660
- Chi phí vận chuyển, xếp dỡ, lưu bãi		
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	802.884.600	-
Chi phí vận chuyển, nâng hạ, xếp dỡ, lưu bãi	17.672.919.893	9.265.433.660
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Tân Cảng - Chi phí sử dụng dịch vụ	584.853.990	-
Công ty Cổ phần Cát Lái- Đồng Sài Gòn	1.081.883.243	157.000.000
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng		
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	13.611.629.639	5.562.891.743
Chi phí lãi vay	4.408.824	22.884.171
Chi phí vận chuyển, xếp dỡ, đóng hàng	4.331.098.493	2.269.994.996
Chi phí lưu bãi, mặt bằng	1.360.000.000	3.243.083.758
Chi phí sửa chữa	4.930.582.533	-
Các chi phí khác	2.985.539.789	26.928.818
Cộng	43.810.487.776	20.400.109.725

14. Phải trả khác**14a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	6.773.843.048	16.460.710.372
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	-	10.598.617.337
- Vốn góp hợp tác kinh doanh	-	6.000.000.000
- Phải trả lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	-	4.598.617.337
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn- Phải trả về thu chi hộ	-	21.000.000
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	6.773.843.048	5.841.093.035
- Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh (*)		
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	18.833.785.423	14.688.583.215
Kinh phí công đoàn	729.225.681	460.315.544
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.282.939.521	807.034.261
Cổ tức phải trả	6.645.782.547	6.367.886.723
Đặt cọc thuê văn phòng	893.416.504	100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One - Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh(*)	2.299.656.040	2.299.656.040
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Sen Vàng - Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh(*)	621.833.367	-
Phải trả về thu hộ tiền cước container	4.046.404.111	2.391.772.510
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.314.527.652	2.261.918.137
Cộng	25.607.628.471	31.149.293.587

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**14b. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	20.813.210.000	20.813.210.000
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng		
- Vốn góp hợp tác kinh doanh (*)	18.750.000.000	18.750.000.000
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu		
Tân Cảng - Đặt cọc tiền thuê văn phòng	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin		
Tân Cảng - Đặt cọc tiền thuê văn phòng	63.210.000	63.210.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	14.525.000.000	15.318.416.504
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận		
Union One - Vốn góp hợp tác kinh doanh (*)	-	12.500.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư		
Sen Vàng - Vốn góp hợp tác kinh doanh (*)	12.500.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.025.000.000	2.818.416.504
Cộng	35.338.210.000	36.131.626.504

Thông tin bổ sung về hợp đồng hợp tác kinh doanh:

- (*) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 612/2015/TCL-HT-TT ngày 26 tháng 10 năm 2015 và Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 10 tháng 01 năm 2017 về việc hợp tác kinh doanh để thực hiện dự án “nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư xây dựng, khai thác tòa nhà văn phòng làm việc” tại phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, 3 bên tham gia gồm: Công ty góp 50%; Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng góp 30% và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One (nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thủ Thiêm) góp 20% tổng vốn đầu tư của dự án. Ngày 20 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Sen Vàng. Công ty là bên đại diện cho hợp doanh, thời hạn của hợp đồng là 50 năm.

14c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Nhóm Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

15. Vay**15a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Á Châu - Hội sở - Vay ngắn hạn	-	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh		
Sài Gòn - Vay dài hạn đến hạn trả	5.436.556.252	7.249.712.000
(Xem thuyết minh số V.15b)		
Cộng	5.436.556.252	32.249.712.000

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	32.249.712.000	7.249.712.000
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	1.811.700.252	3.624.856.000
Số tiền vay đã trả	(28.624.856.000)	(3.624.856.000)
Số cuối kỳ	5.436.556.252	7.249.712.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**15b. Vay dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	1.811.700.252
- Chi nhánh Sài Gòn		

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Khoản vay theo hợp đồng tín dụng ngày 24/01/2018, để đầu tư dự án: "Nhận quyền chuyển nhượng QSDĐ và Đầu tư xây dựng khai thác tòa nhà làm việc" tại phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số tiền đã giải ngân là 49.709.044.252 VND. Các khoản vay phải hoàn trả theo 28 lần hoàn trả bằng nhau vào mỗi quý bắt đầu vào tháng thứ 15 kể từ ngày rút vốn lần đầu. Lãi suất thả nổi, được xác định thời điểm giải ngân. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và công trình trên đất.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	5.436.556.252	7.249.712.000
Trên 1 năm đến 5 năm	-	1.811.700.252
Cộng	5.436.556.252	9.061.412.252

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	1.811.700.252	9.061.412.252
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(1.811.700.252)	(3.624.856.000)
Số cuối kỳ	-	5.436.556.252

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Quỹ thưởng Ban điều hành</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	9.799.165.892	8.756.837.462	-	18.556.003.354
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	4.987.013.648	4.920.000.000	767.841.328	10.674.854.976
Tăng khác	15.000.000	-	-	15.000.000
Chi quỹ trong kỳ	(3.756.500.000)	(4.356.375.920)	(767.841.328)	(8.880.717.248)
Giảm khác	(1)	-	-	(1)
Số cuối kỳ	11.044.679.539	9.320.461.542	-	20.365.141.081

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng	153.812.730.000	153.812.730.000
Sài Gòn		
Các cổ đông khác	147.771.630.000	147.771.630.000
Cộng	301.584.360.000	301.584.360.000

17b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	30.158.436	30.158.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	30.158.436	30.158.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.158.436	30.158.436

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17c. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	301.584.360.000	20.712.126.338	1.512.000.000	158.032.370.821	94.553.109.542	22.467.128.404	598.861.095.105
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	69.103.593.735	(9.546.658)	69.094.047.077
Trích lập các quỹ của công ty mẹ	-	-	-	-	(31.104.953.851)	-	(11.545.729.166)
Chia cổ tức tại Công ty mẹ	-	-	-	19.559.224.685	(70.160.060.957)	-	(70.160.060.957)
Trích lập các quỹ khen thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm trước của công ty mẹ	-	-	-	-	(647.589.368)	-	(647.589.368)
Số dư cuối kỳ trước	301.584.360.000	20.712.126.338	1.512.000.000	177.591.595.506	61.744.099.101	22.457.581.746	585.601.762.691
Số dư đầu năm nay	301.584.360.000	20.712.126.338	1.512.000.000	198.962.141.295	105.466.176.752	22.416.335.160	650.653.139.545
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	81.110.993.476	656.674.178	81.767.667.654
Tạm trích các quỹ tại công ty mẹ từ lợi nhuận kỳ này	-	-	-	19.402.932.854	(29.242.932.854)	-	(9.840.000.000)
Trích lập các quỹ tại công ty mẹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	(767.841.327)	-	(767.841.327)
Chia cổ tức tại công ty mẹ	-	-	-	-	(71.293.077.254)	-	(71.293.077.254)
Tạm trích các quỹ tại công ty con từ lợi nhuận kỳ này	-	-	-	68.359.877	(102.539.816)	(32.833.709)	(67.013.648)
Số dư cuối kỳ này	301.584.360.000	20.712.126.338	1.512.000.000	218.433.434.026	85.170.778.977	23.040.175.629	650.452.874.970

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2025 số 179/NQ-ĐHĐCĐTN.2025 ngày 4 tháng 4 năm 2025 như sau:

VND

Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa năm 2024

- Chia cổ tức cho các cổ đông ; 71.293.077.254
- Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành ; 767.841.328
- Điều chỉnh giảm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi đã tạm trích năm trước ; 1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế trong kỳ

- Trích quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế) : 19.402.932.854
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (25% quỹ lương thực hiện) : 9.840.000.000

Việc tạm phân phối lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2025 của công ty con đã được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2025.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ vận tải, xếp dỡ	165.163.493.309	131.538.327.933
Doanh thu dịch vụ Depot	659.727.872.934	593.251.232.786
Doanh thu dịch vụ khác	32.334.049.522	37.036.253.821
Cộng	857.225.415.765	761.825.814.540

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	387.783.469.377	397.196.602.087
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	2.655.225.483	2.652.200.445
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	1.523.198.514	1.260.883.223
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	4.988.699.110	1.592.460.703
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	966.896.312	941.318.616
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng - Hiệp Phước	837.497.000	1.282.257.926
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	293.454.000	400.706.223
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	50.359.000	44.047.600
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	548.562.089	298.206.943
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	8.140.000	6.290.000
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng- Cái Mép	184.364	47.867.272
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	264.152.000	261.989.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương	-	1.341.170.371
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	1.750.514.070	-

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn dịch vụ cung cấp trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.215.601.096	3.376.975.341
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	13.943.825	11.434.291
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.304.125.000	4.764.871.500
Cộng	7.533.669.921	8.153.281.132

4. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng	12.481.443.102	11.092.825.421
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.699.455.251	1.951.541.204
Các chi phí khác	1.560.015.382	1.038.350.000
Cộng	15.740.913.735	14.082.716.625

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	17.657.327.050	19.539.965.754
Chi phí nhiên liệu quản lý	36.536.036	38.600.334
Chi phí đồ dùng văn phòng	534.006.722	344.368.125
Chi phí khấu hao tài sản cố định	344.373.590	407.293.452
Thuế, phí và lệ phí	29.364.212	37.070.998
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.066.201.588	4.761.269.535
Các chi phí khác	10.848.408.906	9.751.443.645
Cộng	34.516.218.104	34.880.011.843

6. Lãi trên cổ phiếu**6a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	81.110.993.476	69.103.593.735
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ Ban điều hành	(9.840.000.000)	(11.545.729.166)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	71.270.993.476	57.557.864.569
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	30.158.436	30.158.436
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.363	1.909

6b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.753.731.347	34.811.128.238
Chi phí nhân công	55.391.259.600	60.716.104.444
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.945.205.511	15.360.062.676
Chi phí dịch vụ mua ngoài	660.643.174.558	551.755.495.099
Chi phí khác	30.398.997.392	26.900.843.571
Cộng	786.132.368.408	689.543.634.028
<i>(*) Chi tiết chi phí khấu hao như sau:</i>		
Tổng số khấu hao đã trích trong kỳ (thuyết minh V.8, V.9)	14.672.324.433	16.087.181.598
Khấu hao phân chia các bên hợp tác kinh doanh	(727.118.922)	(727.118.922)
Chi phí khấu hao của Nhóm Công ty	13.945.205.511	15.360.062.676

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các cam kết thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Bên cho thuê	Địa điểm	Thời hạn
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 14	42.000 m ² tại Khu công nghiệp Cát Lái	Từ 08 tháng 5 năm 2023 đến 14 tháng 3 năm 2026
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vận tải Quang Minh	16.069,2 m ² tại Khu công nghiệp Cát Lái	Từ 01 tháng 11 năm 2023 đến 31 tháng 12 năm 2028
Công ty TNHH Tincons	39.048 m ² tại phường Dĩ An, thành phố Hồ Chí Minh	Từ 05 tháng 9 năm 2023 đến ngày 12 tháng 02 năm 2029

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	49.064.725.466	54.653.606.357
Trên 1 năm đến 5 năm	93.436.306.136	114.525.275.728
Trên 5 năm	-	-
Cộng	142.501.031.602	169.178.882.085

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng BQL điều hành</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Kỳ này					
Ông Vũ Ngọc Hương	Chủ tịch HĐQT (từ 04/04/2025)	133.184.821	-	-	133.184.821
Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch HĐQT (đến 04/04/2025)	776.000.856	105.389.986	-	881.390.842
Ông Lê Văn Cường	Thành viên HĐQT /Giám đốc	845.420.458	99.367.701	30.000.000	974.788.159
Ông Hoàng Đức Thịnh	Thành viên HĐQT	-	60.222.849	30.000.000	90.222.849
Ông Phạm Trung Nghị	Thành viên HĐQT	-	60.222.849	30.000.000	90.222.849
Ông Ngô Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT /Phó Giám đốc	512.032.199	60.222.849	30.000.000	602.255.048
Ông Phạm Văn Phương	Trưởng BKS	-	60.222.849	30.000.000	90.222.849
Ông Trần Văn Trường	Thành viên BKS	361.130.601	48.178.279	15.000.000	424.308.880
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên BKS (từ 17/6/2025)	-	-	-	-
Bà Lê Thị Kim Chung	Thành viên BKS (đến 17/6/2025)	-	48.178.279	15.000.000	63.178.279
Ông Châu Thanh Hải	Phó Giám đốc	1.033.793.782	60.222.849	-	1.094.016.631
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	549.181.840	60.222.849	-	609.404.689
Bà Phạm Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	510.104.445	60.222.849	12.000.000	582.327.294
Cộng		4.720.849.002	722.674.188	192.000.000	5.635.523.190
Kỳ trước					
Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch HĐQT	823.255.504	87.175.492	2.400.000	912.830.996
Ông Lê Văn Cường	Thành viên HĐQT /Giám đốc	780.976.191	82.194.035	30.000.000	893.170.226
Ông Hoàng Đức Thịnh	Thành viên HĐQT	-	49.814.567	30.000.000	79.814.567
Ông Phạm Trung Nghị	Thành viên HĐQT	-	49.814.567	30.000.000	79.814.567
Ông Ngô Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT / Phó Giám đốc	115.916.914	49.814.567	30.000.000	195.731.481
Ông Phạm Văn Phương	Trưởng BKS	-	49.814.567	30.000.000	79.814.567
Ông Trần Văn Trường	Thành viên BKS	355.505.757	39.851.653	15.000.000	410.357.410
Bà Lê Thị Kim Chung	Thành viên BKS	-	39.851.653	15.000.000	54.851.653
Ông Đặng Thanh Sơn	Phó Giám đốc	552.877.476	49.814.567	4.000.000	606.692.043
Ông Châu Thanh Hải	Phó Giám đốc	586.366.894	49.814.567	3.000.000	639.181.461
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	507.366.894	49.814.567	-	557.181.461
Bà Phạm Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	442.248.368	49.814.567	2.400.000	494.462.935
Cộng		4.164.513.998	647.589.369	191.800.000	5.003.903.367

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Nhóm Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng – STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 và thuyết minh số VI.1b, Nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Sử dụng dịch vụ của Công ty mẹ	4.190.137.899	4.966.015.957
Chia cổ tức cho Công ty mẹ	36.360.581.970	35.782.725.977
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng		
Chia doanh thu hợp tác kinh doanh	2.330.816.030	2.322.507.144
Chia chi phí hợp tác kinh doanh	1.507.994.591	1.589.975.063
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái		
Cổ tức được chia	3.304.125.000	3.217.500.000
Chi phí sử dụng dịch vụ các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	212.525.410	82.794.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	404.150.500	1.563.411.200
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	21.168.283.940	27.696.851.754

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	1.865.309.871	1.355.484.131
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	59.294.400	65.629.300
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	118.088.000	94.658.000
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	130.513.667	22.794.815
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	59.791.600	41.699.500
Công ty TNHH Tân Cảng HMM	53.972.222	15.333.329
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	16.062.602.499	10.980.218.059
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	232.839.890	221.107.675
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	190.360.083	211.021.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh	-	148.605.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương	41.850.000	107.250.000

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.11, V.13, và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Nhóm Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Xuân Tân

Phạm Thị Thu Hà

Lê Văn Cường

**INTERIM CONSOLIDATED
FINANCIAL STATEMENTS**
FOR THE FIRST 6 MONTHS OF THE FISCAL YEAR
ENDED 31 DECEMBER 2025

**TAN CANG
LOGISTICS AND STEVEDORING
JOINT STOCK COMPANY**

CONTENTS

	Page
1. Contents	1
2. Statement of the Board of Management	2 - 3
3. Report on Review of Interim Financial Information	4
4. Interim Consolidated Balance Sheet as at 30 June 2025	5 - 8
5. Interim Consolidated Income Statement for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025	9
6. Interim Consolidated Cash Flow Statement for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025	10 - 11
7. Notes to the Interim Consolidated Financial Statements for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025	12 - 36



STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") presents this statement together with the Interim Consolidated Financial Statements for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025, including the Interim Financial Statements of the Company and its subsidiaries (hereinafter collectively referred to as "the Group").

Business highlights

Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company is a joint stock company operating in accordance with the 1st Business Registration Certificate No. 4103006182 dated 8 March 2007 granted by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City.

During its operation, the Company has been additionally 12 times granted by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City with the amended Business Registration Certificates. In which, the 12th amended Business Registration Certificate dated 8 March 2021 was due to the change in the Company's address.

Head office

- Address : No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City
- Tel. : 028 73073979
- Fax : 028 37423027

The principal business activities of the Company include:

- Trading freight transport by car, inland waterway;
- Services of logistics;
- Services of import and export freight forwarding;
- Sea freight agent;
- Services of loading and unloading goods;
- Services of customs clearance; and
- Services of leasing warehouses, yards, tally and packaging goods.

Board of Directors, Board of Supervisors and Executive Officers

The members of the Board of Directors, the Board of Supervisors, the Board of Management and the Chief Accountant of the Company during the period and as of the date of this statement include:

Board of Directors

Full name	Position	Date of appointment/re-appointment/resignation
Mr. Vu Ngoc Huong	Chairman	Appointed on 4 April 2025
Mr. Le Hoang Linh	Chairman	Resigned on 4 April 2025
Mr. Le Van Cuong	Member	Re-appointed on 6 June 2024
Mr. Hoang Duc Thinh	Member	Appointed on 15 June 2021
Mr. Ngo Ngoc Khanh	Member	Appointed on 16 June 2022
Mr. Pham Trung Nghi	Independent Member	Appointed on 16 June 2022

Board of Supervisors ("BOS")

Full name	Position	Date of appointment/resignation
Mr. Pham Van Phuong	Head of BOS	Appointed on 15 June 2021
Mr. Tran Van Truong	Member	Appointed on 16 June 2022
Ms. Nguyen Thi Huyen	Member	Appointed on 17 June 2025
Ms. Le Thi Kim Chung	Member	Resigned on 17 June 2025

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY
STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT (cont.)

Executive Officers

Full name	Position	Date of appointment
Mr. Le Van Cuong	Director	26 February 2020
Mr. Chau Thanh Hai	Deputy Director	8 February 2021
Mr. Nguyen Van Hoa	Deputy Director	30 November 2021
Mr. Ngo Ngoc Khanh	Deputy Director	19 February 2024
Ms. Pham Thi Thu Ha	Chief Accountant	29 November 2019

Legal representative

The legal representative of the Company during the period and as of the date of this statement is Mr. Le Van Cuong – Director.

Auditor

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. has been appointed to perform the review on the Interim Consolidated Financial Statements for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025 of the Group.

Responsibilities of the Board of Management

The Company's Board of Management is responsible for the preparation of the Interim Consolidated Financial Statements to give a true and fair view on the consolidated financial position, the consolidated financial performance and the consolidated cash flows of the Group during the period. In order to prepare these Interim Consolidated Financial Statements, the Board of Management must:

- Select appropriate accounting policies and apply them consistently;
- Make judgments and estimates reasonably and prudently;
- State clearly whether the accounting standards applied to the Group are followed or not, and all the material differences from these standards are disclosed and explained in the Interim Consolidated Financial Statements;
- Prepare the Interim Consolidated Financial Statements of the Group on the going-concern basis, except for the cases that the going-concern assumption is considered inappropriate; and
- Design and implement effectively the internal control system to minimize the risks of material misstatements due to frauds or errors in the preparation and presentation of the Interim Consolidated Financial Statements.

The Board of Management hereby ensures that all the proper accounting books of the Group have been fully recorded and can fairly reflect the financial position of the Group at any time, and that all the accounting books have been prepared in compliance with the applicable Accounting System. The Board of Management is also responsible for managing the Group's assets and consequently has taken appropriate measures to prevent and detect frauds and other irregularities.

The Board of Management hereby commits to the compliance with the aforementioned requirements in preparation of the Interim Consolidated Financial Statements.

Approval on the Interim Consolidated Financial Statements

The Board of Management hereby approves the accompanying Interim Consolidated Financial Statements, which give a true and fair view of the consolidated financial position as at 30 June 2025, the consolidated financial performance and the consolidated cash flows for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025 of the Group, in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Interim Consolidated Financial Statements.

For and on behalf of the Board of Management,

Director

Le Van Cuong

26 August 2025

No. 2.0533/25/TC-AC

REPORT ON REVIEW OF INTERIM FINANCIAL INFORMATION THE SHAREHOLDERS, THE BOARD OF DIRECTORS AND THE BOARD OF MANAGEMENT TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

We have reviewed the accompanying Interim Consolidated Financial Statements of Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") and its subsidiary (hereinafter collectively referred to as "the Group"), which were prepared on 26 August 2025, from page 5 to page 36, including the Interim Consolidated Balance Sheet as at 30 June 2025, the Interim Consolidated Income Statement, the Interim Consolidated Cash Flow Statement for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025 and the Notes to the Interim Consolidated Financial Statements.

Responsibility of the Board of Management

The Company's Board of Management is responsible for the preparation, true and fair presentation of the Group's Interim Consolidated Financial Statements in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Interim Consolidated Financial Statements; and responsible for the internal control as the Board of Management determines necessary to enable the preparation and presentation of the Interim Consolidated Financial Statements to be free from material misstatement due to fraud or error.

Responsibility of Auditors

Our responsibility is to express a conclusion on the Interim Consolidated Financial Statements based on our review. We conducted our review in accordance with the Vietnamese Standard on Review Engagements No. 2410 – Review of Interim Financial Information Performed by the Independent Auditor of the Entity.

A review of interim financial information consists of making inquiries, primarily of persons responsible for financial and accounting matters, and applying analytical and other review procedures. A review is substantially less in scope than an audit conducted in accordance with the Vietnamese Standards on Auditing and therefore, it does not enable us to obtain a reasonable assurance that we would become aware of all significant matters that might be identified in an audit. Accordingly, we do not express our audit opinion.

Conclusion of Auditors

Based on our review, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying Interim Consolidated Financial Statements do not give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position as at 30 June 2025 of Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company and its subsidiary, their consolidated financial performance and their consolidated cash flows for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025, in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Interim Consolidated Financial Statements.

Other matter

The Report on review of the Group's Interim Consolidated Financial Statements for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025 has been prepared in both Vietnamese and English. In the event of any discrepancy between the two versions, the Vietnamese version shall prevail.

For and on behalf of

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd.**Hanoi Branch****Le Van Khoa – Partner***Audit Practice Registration Certificate: No. 1794-2023-008-1*

Authorized Signatory

Hanoi, 26 August 2025

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

INTERIM CONSOLIDATED BALANCE SHEET

(Full form)

As at 30 June 2025

Unit: VND

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
A - CURRENT ASSETS	100		680,492,119,523	663,244,375,700
I. Cash and cash equivalents	110	V.1	60,758,083,257	55,519,125,648
1. Cash	111		19,758,083,257	13,519,125,648
2. Cash equivalents	112		41,000,000,000	42,000,000,000
II. Short-term financial investments	120		181,337,578,008	145,102,279,452
1. Trading securities	121		-	-
2. Provisions for diminution in value of trading securities	122		-	-
3. Held-to-maturity investments	123	V.2a	181,337,578,008	145,102,279,452
III. Short-term receivables	130		422,232,574,827	444,458,326,105
1. Short-term trade receivables	131	V.3	389,450,394,035	428,124,364,646
2. Short-term prepayments to suppliers	132	V.4	14,363,708,203	2,399,837,389
3. Short-term inter-company receivables	133		-	-
4. Receivables based on the progress of construction contracts	134		-	-
5. Receivables for short-term loans	135		-	-
6. Other short-term receivables	136	V.5a	19,330,930,332	14,846,581,813
7. Allowance for short-term doubtful debts	137		(912,457,743)	(912,457,743)
8. Shortage of assets awaiting resolution	139		-	-
IV. Inventories	140		13,286,814,970	13,096,217,340
1. Inventories	141	V.6	13,286,814,970	13,096,217,340
2. Allowance for devaluation of inventories	149		-	-
V. Other current assets	150		2,877,068,461	5,068,427,155
1. Short-term prepaid expenses	151	V.7a	2,871,954,281	3,125,709,558
2. Deductible VAT	152		-	1,942,717,597
3. Taxes and other receivables from the State	153	V.12	5,114,180	-
4. Trading Government bonds	154		-	-
5. Other current assets	155		-	-

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Interim Consolidated Balance Sheet (cont.)

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
B - NON-CURRENT ASSETS	200		440,816,872,323	447,392,005,771
I. Long-term receivables	210		9,675,300,000	17,991,300,000
1. Long-term trade receivables	211		-	-
2. Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3. Working capital in affiliates	213		-	-
4. Long-term inter-company receivables	214		-	-
5. Receivables for long-term loans	215		-	-
6. Other long-term receivables	216	V.5b	9,675,300,000	17,991,300,000
7. Allowance for long-term doubtful debts	219		-	-
II. Fixed assets	220		236,347,720,671	247,426,512,763
1. Tangible fixed assets	221	V.8	214,353,229,407	225,303,166,653
<i>Historical costs</i>	222		907,509,871,971	904,665,685,355
<i>Accumulated depreciation</i>	223		(693,156,642,564)	(679,362,518,702)
2. Finance lease assets	224		-	-
<i>Historical costs</i>	225		-	-
<i>Accumulated depreciation</i>	226		-	-
3. Intangible fixed assets	227	V.9	21,994,491,264	22,123,346,110
<i>Historical costs</i>	228		28,941,911,391	28,691,911,391
<i>Accumulated amortization</i>	229		(6,947,420,127)	(6,568,565,281)
III. Investment properties	230		-	-
<i>Historical costs</i>	231		-	-
<i>Accumulated depreciation</i>	232		-	-
IV. Long-term assets in progress	240		4,187,524,821	3,408,141,075
1. Long-term work in progress	241		-	-
2. Construction-in-progress	242	V.10	4,187,524,821	3,408,141,075
V. Long-term financial investments	250		166,354,901,463	146,340,870,928
1. Investments in subsidiaries	251		-	-
2. Investments in joint ventures and associates	252	V.2b	139,875,421,463	119,861,390,928
3. Investments in other entities	253	V.2c	26,479,480,000	26,479,480,000
4. Provisions for diminution in value of long-term financial investments	254		-	-
5. Held-to-maturity investments	255		-	-
VI. Other non-current assets	260		24,251,425,368	32,225,181,005
1. Long-term prepaid expenses	261	V.7b	24,251,425,368	32,225,181,005
2. Deferred income tax assets	262		-	-
3. Long-term components and spare parts	263		-	-
4. Other non-current assets	268		-	-
5. Goodwill	269		-	-
TOTAL ASSETS	270		1,121,308,991,846	1,110,636,381,471

This statement should be read in conjunction with the Notes to the Interim Consolidated Financial Statements

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Interim Consolidated Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
C - LIABILITIES	300		470,856,116,876	459,983,241,926
I. Current liabilities	310		435,517,906,876	422,039,915,170
1. Short-term trade payables	311	V.11	305,696,121,024	272,139,149,586
2. Short-term advances from customers	312		743,434,004	507,226,395
3. Taxes and other obligations to the State Budget	313	V.12	19,841,607,658	12,301,808,364
4. Payables to employees	314		14,016,930,610	34,736,612,159
5. Short-term accrued expenses	315	V.13	43,810,487,776	20,400,109,725
6. Short-term inter-company payables	316		-	-
7. Payables based on the progress of construction contracts	317		-	-
8. Short-term unearned revenue	318		-	-
9. Other short-term payables	319	V.14a	25,607,628,471	31,149,293,587
10. Short-term borrowings and finance leases	320	V.15a	5,436,556,252	32,249,712,000
11. Short-term provisions	321		-	-
12. Bonus and welfare funds	322	V.16	20,365,141,081	18,556,003,354
13. Price stabilization fund	323		-	-
14. Trading Government bonds	324		-	-
II. Non-current liabilities	330		35,338,210,000	37,943,326,756
1. Long-term trade payables	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Inter-company payables for working capital	334		-	-
5. Long-term inter-company payables	335		-	-
6. Long-term unearned revenue	336		-	-
7. Other long-term payables	337	V.14b	35,338,210,000	36,131,626,504
8. Long-term borrowings and finance leases	338	V.15b	-	1,811,700,252
9. Convertible bonds	339		-	-
10. Preferred shares	340		-	-
11. Deferred income tax liabilities	341		-	-
12. Long-term provisions	342		-	-
13. Science and technology development fund	343		-	-

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Interim Consolidated Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
D - OWNER'S EQUITY	400		650,452,874,970	650,653,139,545
I. Owner's equity	410	V.17	650,452,874,970	650,653,139,545
1. Owner's contribution capital	411		301,584,360,000	301,584,360,000
- Ordinary shares carrying voting right	411a		301,584,360,000	301,584,360,000
- Preferred shares	411b		-	-
2. Share premiums	412		20,712,126,338	20,712,126,338
3. Bond conversion options	413		-	-
4. Other sources of capital	414		1,512,000,000	1,512,000,000
5. Treasury shares	415		-	-
6. Differences on asset revaluation	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Investment and development fund	418		218,433,434,026	198,962,141,295
9. Business arrangement supporting fund	419		-	-
10. Other funds	420		-	-
11. Retained earnings	421		85,170,778,977	105,466,176,752
- Retained earnings accumulated to the end of the previous period	421a		33,405,258,171	105,466,176,752
- Retained earnings of the current period	421b		51,765,520,806	-
12. Construction investment fund	422		-	-
13. Non-controlling interests	429		23,040,175,629	22,416,335,160
II. Other sources and funds	430		-	-
1. Sources of expenditure	431		-	-
2. Fund to form fixed assets	432		-	-
TOTAL RESOURCES	440		1,121,308,991,846	1,110,636,381,471

Prepared by



Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant



Pham Thi Thu Ha

Prepared on 26 August 2025

Director



Le Van Cuong

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

INTERIM CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

(Full form)

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
			Current year	Previous year
1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services	01	VL1	857,225,415,765	761,825,814,540
2. Revenue deductions	02		-	-
3. Net revenue from sales of merchandise and rendering of services	10		857,225,415,765	761,825,814,540
4. Costs of sales	11	VL2	735,875,236,569	640,580,905,560
5. Gross profit/ (loss) from sales of merchandise and rendering of services	20		121,350,179,196	121,244,908,980
6. Financial income	21	VL3	7,533,669,921	8,153,281,132
7. Financial expenses	22		438,981,632	283,074,145
In which: Interest expenses	23		438,981,632	283,074,145
8. Profit/ (loss) in joint ventures, associates	24	V.2b	20,014,030,535	4,740,882,442
9. Selling expenses	25	VL4	15,740,913,735	14,082,716,625
10. General and administration expenses	26	VL5	34,516,218,104	34,880,011,843
11. Net operating profit/ (loss)	30		98,201,766,181	84,893,269,941
12. Other income	31		146,637,559	-
13. Other expenses	32		61,079,892	74,821,670
14. Other profit/ (loss)	40		85,557,667	(74,821,670)
15. Total accounting profit/ (loss) before tax	50		98,287,323,848	84,818,448,271
16. Current income tax	51	V.12	16,519,656,194	15,724,401,194
17. Deferred income tax	52		-	-
18. Profit/ (loss) after tax	60		81,767,667,654	69,094,047,077
19. Profit/ (loss) after tax of the Parent Company	61		81,110,993,476	69,103,593,735
20. Profit/ (loss) after tax of non-controlling shareholders	62		656,674,178	(9,546,658)
21. Basic earnings per share	70	VL6	2,363	1,909
22. Diluted earnings per share	71	VL6	2,363	1,909

Prepared by

Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant

Pham Thi Thu Ha

Prepared on 26 August 2025

Director



Le Van Cuong

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

INTERIM CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

(Indirect method)

(Full form)

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
			Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit/ (loss) before tax	01		98,287,323,848	84,818,448,271
2. Adjustments				
- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties	02	VI.7	13,945,205,511	15,360,062,676
- Provisions and allowances	03		-	-
- Exchange (gain)/ loss due to revaluation of monetary items in foreign currencies	04		-	-
- (Gain)/ loss from investing activities	05		(27,680,335,184)	(12,882,729,283)
- Interest expenses	06		438,981,632	283,074,145
- Others	07		-	-
3. Operating profit/ (loss) before changes in working capital	08		84,991,175,807	87,578,855,809
- (Increase)/ decrease in receivables	09		48,003,938,401	(82,558,458,287)
- (Increase)/ decrease in inventories	10		(190,597,630)	825,964,188
- Increase/ (decrease) in payables	11		32,468,122,652	24,289,755,983
- (Increase)/ decrease in prepaid expenses	12		8,227,510,914	(2,927,687,971)
- (Increase)/ decrease in trading securities	13		-	-
- Interests paid	14		(457,456,979)	(270,641,770)
- Corporate income tax paid	15	V.12	(10,831,487,178)	(11,979,475,011)
- Other cash inflows from operating activities	16	V.16	15,000,000	65,400,000
- Other cash outflows from operating activities	17	V.16	(8,880,717,248)	(19,557,313,118)
Net cash flows from operating activities	20		153,345,488,739	(4,533,600,177)
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchases and construction of fixed assets and other non-current assets	21		(16,438,847,635)	(3,121,492,232)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other non-current assets	22		207,510,101	-
3. Cash outflows for lending, buying debt instruments of other entities	23		(64,000,000,000)	(31,000,000,000)
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24		27,764,701,444	40,000,000,000
5. Investments in other entities	25		-	-
6. Withdrawals of investments in other entities	26		-	-
7. Interests earned, dividends and profits received	27		4,000,142,390	3,990,551,232
Net cash flows from investing activities	30		(48,466,493,700)	9,869,059,000

This statement should be read in conjunction with the Notes to the Interim Consolidated Financial Statements

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Interim Consolidated Cash Flow Statement (cont.)

ITEMS	Code	Note	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
			Current year	Previous year
III. Cash flows from financing activities				
1. Proceeds from issuing stocks and capital contributions from owners	31		-	-
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	-
3. Proceeds from borrowings	33		-	-
4. Repayment for loan principal	34	V.15	(28,624,856,000)	(3,624,856,000)
5. Payments for finance lease assets	35		-	-
6. Dividends and profits paid to the owners	36		(71,015,181,430)	(433,503,778)
<i>Net cash flows from financing activities</i>	40		<u>(99,640,037,430)</u>	<u>(4,058,359,778)</u>
Net cash flows during the period	50		5,238,957,609	1,277,099,045
Beginning cash and cash equivalents	60	V.1	55,519,125,648	71,071,180,963
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		-	-
Ending cash and cash equivalents	70	V.1	<u>60,758,083,257</u>	<u>72,348,280,008</u>

Prepared by



Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant



Pham Thi Thu Ha

Prepared on 26 August 2025

Director


Le Van Cuong

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025**I. GENERAL INFORMATION****1. Ownership form**

Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company" or "the Parent Company") is a joint stock company.

2. Operating field

The Company operates in the service sector.

3. Principal business activities

The principal business activities of the Company include:

- Trading freight transport by car, inland waterway;
- Services of logistics;
- Services of import and export freight forwarding;
- Sea freight agent;
- Services of loading and unloading goods;
- Services of customs clearance; and
- Services of leasing warehouses, yards, tally and packaging goods.

4. Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Company is within 12 months.

5. Statement on information comparability in the Interim Consolidated Financial Statements

The corresponding figures of the previous period are comparable to those of the current period.

6. Structure of the Group

The Group includes the Parent Company and one subsidiary under the control of the Parent Company which is consolidated in these Interim Consolidated Financial Statements.

Subsidiaries

The Company only invests in a single subsidiary which is Dong Nai Newport Logistics JSC. located at Tan Cang Nhon Trach Port, Hamlet 3, Nhon Trach Commune, Dong Nai Province. The principal business activity of this subsidiary includes seaport service. As of the balance sheet date, the Company's contribution rate in this subsidiary was 51%, the voting rate and the benefit rate were equivalent to the contribution rate.

Associates

Name	Address of head office	Principal business activity	Contribution rate	Ownership rate	Voting rate
Tan Cang Ben Thanh Corporation	1295B Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City	Seaport service	36.00%	36.00%	36.00%
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	Ha Doan, Dong Hai Ward, Hai Phong City	Seaport service	36.00%	36.00%	36.00%
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	938/180 Nguyen Thi Dinh, Quarter 3, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City	Seaport service	24.39%	24.39%	24.39%

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

7. Employees

As of the balance sheet date, there were 359 employees working for the companies in the Group (at the beginning of the year: 364 employees).

II. FISCAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY

1. Fiscal year

The fiscal year of the Group is from 1 January to 31 December annually.

2. Accounting currency unit

The accounting currency unit is Vietnam Dong (VND) because payments and receipts of the Group are primarily made in VND.

III. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Accounting System

The Group applies the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 giving guidelines for the enterprise accounting system, the Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 giving guidance on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements, as well as other circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Interim Consolidated Financial Statements.

2. Statement on the compliance with the Accounting Standards and System

The Board of Management ensures the compliance with all the requirements of the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016, the Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 as well as other circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Interim Consolidated Financial Statements.

IV. ACCOUNTING POLICIES

1. Basis of preparation of the Interim Consolidated Financial Statements

All the Consolidated Financial Statements are prepared on the accrual basis (except for the information related to cash flows).

The Interim Consolidated Financial Statements have been prepared in both Vietnamese and English, in which the Interim Consolidated Financial Statements in Vietnamese are the official statutory financial statements of the Group. The Interim Consolidated Financial Statements in English have been translated from the Vietnamese version. In the event of any discrepancy between the two versions, the Vietnamese version shall prevail.

2. Basis of consolidation

The Interim Consolidated Financial Statements include the Interim Financial Statements of the Parent Company and its subsidiary. A subsidiary is a business that is controlled by the Parent Company. The control exists when the Parent Company has the power to directly or indirectly govern the financial and operating policies of the subsidiary to obtain economic benefits from its activities. In determining the control power, the potential voting right arising from share call options, debt or equity instruments that are convertible into ordinary shares as of the end of the fiscal year shall be taken into consideration.

The business performance results of the subsidiaries that are acquired or disposed of during the period are included in the Consolidated Income Statement from the date of acquisition or until the date of disposal of those subsidiaries.

The Interim Financial Statements of the Parent Company and its subsidiary used for consolidation are prepared for the same accounting period and apply consistent accounting policies for similar transactions and events in similar circumstances. In case the subsidiary's accounting policies are different from those that are applied consistently within the Group, the appropriate adjustments should be made to the subsidiary's Financial Statements before they are used to prepare the Interim Consolidated Financial Statements.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

Intra-group balances in the balance sheet and intra-group transactions and unrealized intra-group gains or losses resulting from these transactions are eliminated when preparing the Interim Consolidated Financial Statements. Unrealized losses resulting from intra-group transactions are also eliminated unless costs that cause those losses cannot be recovered.

Non-controlling interests ("NCI") include the gains or losses of the subsidiary's operating results and net assets that are not held by the Company and are presented in a specific item in the Interim Consolidated Income Statement and the Interim Consolidated Balance Sheet (as a part of the owner's equity). NCI include the value of NCI at the date of initial business combination and those in the changes of owner's equity commencing from that date. Losses arising in the subsidiary are allocated to NCI based on the non-controlling shareholders' ownership rate in the subsidiary, even if those losses exceed the non-controlling shareholders' ownership in the net assets of the subsidiary.

When the Company contributes capital to increase the benefit rate in an existing subsidiary, the difference between the consideration transferred for the additional investment and the carrying amount of the subsidiary's net assets that are additional purchased at the acquisition date is recorded as "Retained earnings" on the Interim Consolidated Balance Sheet.

3. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand and demand deposits at banks. Cash equivalents are short-term investments of which the due dates do not exceed 3 months from the dates of the investments that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value as of the balance sheet date.

4. Financial investments

Held-to-maturity investments

Investments are classified as held-to-maturity investments that the Group intends and is able to hold to maturity. Held-to-maturity investments of the Group only include term deposits at banks. Interest income from these term deposits is recognized in the Income Statement on the accrual basis.

Investments in associates

An associate is an entity which the Group has significant influence but does not have the right to control its financial and operating policies. Significant influence is the right to participate in making resolution on the associate's financial and operating policies but not control those policies.

Investment in associate is recognized in accordance with the equity method. Accordingly, the investment in associate is presented in the Interim Consolidated Financial Statements by the initial investment costs and adjusted for changes in benefits on net assets of associates after the investment date. If the benefits of the Group in losses of the associate are higher than or equal to book value of the investments, the value of investments will be presented in the Interim Consolidated Financial Statements as zero unless the Group has an obligation to make the payment instead of the associate.

The Financial Statements of the associate are prepared for the same accounting period of the Group. In case the accounting policies of an associate are different from those consistently applied in the Group, the Financial Statements of that associate will be suitably adjusted before being used to prepare the Interim Consolidated Financial Statements.

Unrealized gains and losses from transactions with the associate are eliminated by the proportion belong to the Group when preparing the Interim Consolidated Financial Statements.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

Investments in equity instruments of other entities

Investments in equity instruments of other entities include such investments in equity instruments that do not enable the Group to have the control, joint control or significant influence on these entities.

Investments in equity instruments of other entities are initially recognized at costs, including cost of purchase or capital contributions plus other directly attributable transaction costs. Dividends and profits of the periods prior to the acquisition of investments are deducted from the cost of such investments. Dividends and profits of the periods after the acquisition of such investments are recorded in the Group's financial income. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

Provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities are made as follows:

- For investments in listed shares or fair value of investments which is reliably measured, provisions are made on the basis of the market value of shares.
- For investments of which the fair value cannot be measured at the time of reporting, provisions are made based on the losses suffered by investees, with the provision amount determined by the difference between owners' actual contributed capital and total owners' equity as of the balance sheet date multiplied (x) by the Group's rate of charter capital owning in these investees.

Increases/ (decreases) in provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "Financial expenses".

5. Receivables

Receivables are recognized at the carrying amount less allowance for doubtful debts.

The classification of receivables as trade receivables and other receivables is made according to the following principles:

- Trade receivables reflect receivables concerning the commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Group and customers who are independent to the Group.
- Other receivables reflect receivables not concerning the commercial nature and irrelevant to purchase and sale transactions.

Allowance is made for each doubtful debt after being offset against liabilities (if any). The allowance rate is based on the debts' overdue period or the estimated loss, as follows:

- As for overdue debts:
 - 30% of the value of debts with the overdue period from 6 months to under 1 year.
 - 50% of the value of debts with the overdue period from 1 year to under 2 years.
 - 70% of the value of debts with the overdue period from 2 years to under 3 years.
 - 100% of the value of debts with the overdue period from or over 3 years.
- As for the debts that are not overdue, but considered as doubtful debts: Allowance is made on the basis of the estimated loss.

Increases/ (decreases) in allowance for doubtful debts to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "General and administration expenses".

6. Inventories

Inventories are recognized at the lower of cost and net realizable value.

For materials: Costs of inventories comprise costs of purchases and other directly relevant costs incurred in bringing the inventories to their present location and conditions.

The cost of inventories is determined using the weighted average method and recorded in accordance with the perpetual inventory system.

The Group's inventories primarily consist of materials and spare parts for repairs that are kept in normal condition. Consequently, no allowance for inventories is required.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

7. Prepaid expenses

Prepaid expenses comprise actual expenses arising and relevant to financial performance in several accounting periods. These prepaid expenses are amortized over the prepayment period or the period in which corresponding economic benefits are generated from these expenses.

Prepaid expenses of the Group primarily include:

Warehouse and yard construction costs

The investment costs of construction of an empty container yard (depot) are amortized in the period using the straight-line method over the warehouse and yard lease term of 05 years.

Expenses for fixed asset repairs

Expenses for fixed asset repairs arising once with high value are amortized using the straight-line method for the maximum period of 3 years.

8. Operating leased assets

A lease is classified as an operating lease if significant risks and rewards associated with the ownership belong to the lessor. The lease expenses are amortized using the straight-line method over the lease term and are not dependent on the method of lease payment.

9. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated depreciation. Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses paid by the Group to bring the asset to its working condition for its intended use. Other expenses arising subsequent to initial recognition are included into historical costs of fixed assets only if it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into operating expenses during the period.

When a tangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the period.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives. The depreciation years applied are as follows:

<u>Class of fixed assets</u>	<u>Years</u>
Buildings and structures	6 – 38
Machinery and equipment	3 – 20
Vehicles	5 – 6
Office equipment	3
Perennial plants	2
Other fixed assets	5 – 8

10. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated amortization.

Historical costs of intangible fixed assets include all the costs paid by the Group to bring the asset to its working condition for its intended use. Other costs relevant to intangible fixed assets arising subsequent to initial recognition are included into operating costs during the period, otherwise, these costs are included into historical costs of fixed assets only if they are associated with a specific intangible fixed asset and result in future economic benefits expected to be obtained from the use of the asset.

When an intangible fixed asset is sold or disposed, its historical costs and accumulated amortization are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the period.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

The Group's intangible fixed assets include:

Land use right

Land use right includes all the actual expenses paid by the Group directly attributable to the land being used such as expenses to obtain the land use right, expenses for site clearance compensation and ground leveling, registration fees, etc. The land use right is amortized using the straight-line method over the remaining land allocation period of 35 years 9 months.

Computer software

Costs to obtain computer software, which is not a part associated with the relevant hardware, will be capitalized. Costs of computer software include all the expenses paid by the Group until the date the software is put into use. Computer software is amortized using the straight-line method in 03 years.

11. Construction-in-progress

Construction-in-progress reflects the expenses (including relevant borrowing interest expenses following the accounting policies of the Group) directly attributable to the construction of plants and the installation of machinery and equipment to serve for production, leasing, and management as well as the repair of fixed assets, which have not been completed yet. Assets in the progress of construction and installation are recorded at historical costs and not depreciated.

12. Business cooperation contract ("BCC")

Jointly controlled operations

In respect of its interests in jointly controlled operations, the Group shall recognize in its Interim Consolidated Financial Statements:

- The assets that the Group controls.
- The liabilities that the Group incurs.
- The revenue that the Group earns from the sale of merchandise or rendering services by the joint venture.
- The expenses that the Group incurs.

13. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recorded based on the amounts payable for merchandise and services already used. Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates for the amounts payable.

The classification of payables as trade payables, accrued expenses and other payables is made on the basis of following principles:

- Trade payables reflect payables of commercial nature arising from the purchase of merchandise, services, or assets and the seller is an independent entity with the Group.
- Accrued expenses reflect expenses for goods, services received from suppliers or supplied to customers but have not been paid, invoiced or lack of accounting records and supporting documents; pay on leave payable to employees; and accrual of operating expenses.
- Other payables reflect payables of non-commercial nature and irrelevant to purchase, sales of merchandise or rendering of services.

Payables and accrued expenses are classified into short-term and long-term ones in the Consolidated Balance Sheet based on the remaining terms as of the balance sheet date.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

14. Owner's equity

Owner's contribution capital

Owner's contribution capital is recorded according to the actual amounts invested by the shareholders.

Share premiums

The differences between the issuance price and face value upon the IPO, additional issue or the difference between the re-issuance price and carrying value of treasury shares and the equity component of convertible bonds upon maturity date are recognized into share premiums. Expenses directly attributable to the additional issue of shares and the re-issuance of treasury shares are recorded as a decrease in share premiums.

Other sources of capital

Other sources of capital are due to the supplementation from business profits, revaluation of assets and fair value of the assets gifted, granted or sponsored to the Group after deducting taxes payable (if any) related to these assets.

15. Profit distribution

Profit after tax is distributed to the shareholders after appropriation for funds under the Charter of the Company as well as legal regulations and approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to the shareholders is made in consideration of non-cash items in retained earnings that may affect cash flows and the ability to pay dividends such as gains from revaluation of assets invested in other entities, gains from revaluation of monetary items, financial instruments and other non-cash items.

Dividend is recorded as payables upon approval of the General Meeting of Shareholders.

16. Recognition of revenue and income

Revenue from rendering of services

Revenue from rendering of services shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the services provided under specific conditions, revenue is recognized only when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to return the services rendered.
- The Group received or shall probably receive the economic benefits associated with the rendering of services.
- The stage of completion of the transaction at the end of reporting period can be measured reliably.
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

In the case that the services are rendered in several accounting periods, revenue is recognized on the basis of the stage of completion as of the balance sheet date.

Interest

Interest is recorded based on the term and the actual interest rate applied in each particular period.

Dividend income

Income from dividends is recognized when the Group has the right to receive dividends from the investees. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

17. Borrowing costs

Borrowing costs are interest expenses and other costs that the Group directly incurs in connection with the borrowings. Borrowing costs are recorded as expenses when incurred.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**18. Expenses**

Expenses are those that result in outflows of the Group's economic benefits and are recorded at the time of transactions or when incurrence of the transaction is reliable regardless of whether payment for expenses is made or not.

Expenses and their corresponding revenues are simultaneously recognized in accordance with matching principle. In the event that matching principle conflicts with prudence principle, expenses are recognized based on the nature and regulations of accounting standards in order to guarantee that transactions can be fairly and truly reflected.

19. Corporate income tax

Corporate income tax only includes current income tax, which is the tax amount computed based on the taxable income. Taxable income is different from accounting profit due to the adjustments of temporary differences between tax and accounting figures, non-deductible expenses as well as those of non-taxable income and losses brought forward.

20. Related parties

Parties are considered to be related parties in case that one party is able to control the other party or has significant influence on the financial and operating decisions of the other party. Parties are also considered to be related parties in case that they are under the common control or under the common significant influence.

In considering each possible related party relationship, attention is directed to the substance of the relationship and not merely the legal form.

21. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Group that is engaged in manufacturing or providing products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of the Group that is engaged in manufacturing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

The segment information is prepared and presented in conformity with the accounting policy applied for the preparation and presentation of the Group's Interim Consolidated Financial Statements.

V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INTERIM CONSOLIDATED BALANCE SHEET**1. Cash and cash equivalents**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cash on hand	266,778,737	401,162,811
Demand deposits in banks	19,491,304,520	13,117,962,837
Cash equivalents (<i>Bank deposits with initial maturities within 3 months</i>)	41,000,000,000	42,000,000,000
Total	60,758,083,257	55,519,125,648

2. Financial investments**2a. Held-to-maturity investments**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Term deposits in bank with initial maturities from 6 months to 12 months, interest rates ranging from 4% to 5.7% per year	181,337,578,008	145,102,279,452

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

2b. Investments in associates

	Ending balance			Beginning balance		
	Original cost	Profit after investment date	Total	Original cost	Profit after investment date	Total
Tan Cang Ben Thanh Corporation	54,000,000,000	46,535,975,766	100,535,975,766	54,000,000,000	31,689,142,718	85,689,142,718
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	33,120,000,000	(6,242,266,810)	26,877,733,190	33,120,000,000	(10,505,345,487)	22,614,654,513
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	10,000,000,000	2,461,712,507	12,461,712,507	10,000,000,000	1,557,593,697	11,557,593,697
Total	97,120,000,000	42,755,421,463	139,875,421,463	97,120,000,000	22,741,390,928	119,861,390,928

The number of shares held and the Group's ownership rates in the entities are as follows:

Name	Ending balance		Beginning balance	
	Number of shares	Ownership rate	Number of shares	Ownership rate
Tan Cang Ben Thanh Corporation	5,400,000	36.00%	5,400,000	36.00%
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	3,312,000	36.00%	3,312,000	36.00%
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	1,000,000	24.39%	1,000,000	24.39%

The value of the Group's ownership in the associates is as follows:

	Value of ownership at the beginning of the year	Profit/(loss) during the period	Value of ownership at the end of the period
Tan Cang Ben Thanh Corporation	85,689,142,718	14,846,833,048	100,535,975,766
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	22,614,654,513	4,263,078,677	26,877,733,190
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	11,557,593,697	904,118,810	12,461,712,507
Total	119,861,390,928	20,014,030,535	139,875,421,463

Operation of associates

The associates have been in their normal operation and have not experienced any significant change as compared to that of the previous year.

Transactions with associates

Significant transactions between the Group and its associates are as follows:

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Tan Cang Ben Thanh Corporation		
Rendering of services to the associate	180,000,000	180,000,000
Liquidation of assets to the associate	207,510,101	-
Using services of the associate	192,195,980,129	134,281,511,996
Profit distributed from business cooperation contract ("BCC")	-	4,598,617,337
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.		
Rendering of services to the associate	174,240,000	874,368,000
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.		
Rendering of services to the associate	482,900,900	2,783,360,900
Expenses for purchase of materials and use of services	179,495,593,055	194,021,268,134

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**2c. Investments in other entities**

	Ending balance		Beginning balance	
	Original cost	Fair value	Original cost	Fair value
Military Commercial Joint Stock Bank (MBBank) ^(*)	14,666,980,000	91,821,013,200	14,666,980,000	77,678,053,065
Cat Lai Port JSC. (1,237,500 shares)	11,812,500,000	42,136,875,000	11,812,500,000	44,302,500,000
Total	26,479,480,000	133,957,888,200	26,479,480,000	121,980,553,065

^(*) This represents an entrusted investment through the Parent Company, Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation. As of the balance sheet date, the Group held 3,558,954 shares of Military Commercial Joint Stock Bank, reflecting a 464,211 share increase from the beginning of the year, resulting from the receipt of stock dividends (beginning balance: 3,094,743 shares).

Fair value

For listed investments, fair value was determined in accordance with the listed price as of the balance sheet date.

The Group has not determined fair value of investments without listed price because there have not been any specific instructions on determination of fair value.

3. Short-term trade receivables

	Ending balance	Beginning balance
Receivables from related parties	353,683,468,121	396,032,593,166
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	347,503,220,786	387,339,185,326
Tan Cang Warehousing JSC.	1,558,903,875	1,672,431,300
Tan Cang Overland Transport JSC.	1,640,700,440	4,428,288,200
Tan Cang Waterway Transport JSC.	124,146,000	460,185,166
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	358,083,720	93,980,520
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	94,089,600	94,089,600
Phu Huu – Newport Corporation	117,617,400	144,898,740
Tan Cang Hiep Luc JSC.	-	90,149,760
Tan Cang Container Services JSC.	309,288,990	725,213,706
Tan Cang Ben Thanh Corporation	256,510,909	65,601,360
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company	22,027,740	21,657,300
Tan Cang – Cai Mep International Terminal Co., Ltd.	199,113	199,113
Tan Cang Maritime Services JSC.	-	7,912,080
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	1,650,058,668	740,404,995
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	48,620,880	-
Binh Duong – Newport Logistics JSC.	-	24,844,000
Cat Lai Port International Logistics JSC.	-	123,552,000
Receivables from other customers	35,766,925,914	32,091,771,480
Total	389,450,394,035	428,124,364,646

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**4. Short-term prepayments to suppliers**

	Ending balance	Beginning balance
Vina E&C Investment and Construction JSC.	12,005,000,000	-
Dan Hung Trading Co., Ltd.	1,095,000,000	-
Phuc Lam Engineering and Trading JSC.	-	1,024,716,000
Other suppliers	1,263,708,203	1,375,121,389
Total	14,363,708,203	2,399,837,389

5. Other receivables**5a. Other short-term receivables**

	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Allowance	Value	Allowance
<i>Receivables from related parties</i>	<i>4,001,200,963</i>	-	<i>503,072,516</i>	-
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	247,320,000	-	247,320,000	-
- Deposit for hiring yards	231,000,000	-	231,000,000	-
- Other receivables	16,320,000	-	16,320,000	-
Cat Lai Port JSC.	3,304,125,000	-	-	-
- Dividends receivable	-	-	-	-
Payments on behalf	449,755,963	-	255,752,516	-
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	100,044,000	-	175,106,236	-
Tan Cang Overland Transport JSC.	-	-	30,606,280	-
Cat Lai Port International Logistics JSC.	-	-	50,040,000	-
North Newport Logistics JSC.	349,711,963	-	-	-
<i>Receivables from other organizations and individuals</i>	<i>15,329,729,369</i>	-	<i>14,343,509,297</i>	-
Eastern Saigon Logistics JSC. – Deposit for using services	4,112,000,000	-	4,112,000,000	-
Receipts and payments on behalf	1,069,367,761	-	1,188,375,780	-
Advances	894,199,820	-	4,229,270,653	-
Deposits	7,164,000,000	-	53,000,000	-
Construction Investment JSC. No. 14 ⁽ⁱ⁾	7,116,000,000	-	-	-
Other organizations and individuals	48,000,000	-	53,000,000	-
Accrued interest income of term deposits	1,900,445,007	-	1,684,986,301	-
Receivables from employees	-	-	2,629,408,167	-
Other short-term receivables	189,716,781	-	446,468,396	-
Total	19,330,930,332	-	14,846,581,813	-

(i) This represents the deposit for premises lease at Cat Lai Industrial Park, with a lease term from 8 May 2023 to 14 March 2026.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**5b. Other long-term receivables**

	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Allowance	Value	Allowance
Deposit for water supply	30,000,000	-	30,000,000	-
Ms. Bui Thi No – Deposit for land rental	300,000,000	-	300,000,000	-
Deposit for hiring yards	9,345,300,000	-	17,661,300,000	-
Construction Investment JSC. No. 14 ⁽ⁱ⁾	-	-	8,316,000,000	-
Quang Minh Investment Construction Transport JSC. ⁽ⁱⁱ⁾	3,000,000,000	-	3,000,000,000	-
Tincons Co., Ltd. ⁽ⁱⁱⁱ⁾	6,345,300,000	-	6,345,300,000	-
Total	9,675,300,000	-	17,991,300,000	-

(i) This represents the deposit for premises lease at Cat Lai Industrial Park, with a lease term from 1 November 2023 to 31 December 2028.

(ii) This represents the deposit for premises lease and infrastructure in Di An Ward, Ho Chi Minh, with a lease term until 12 February 2029.

6. Inventories

	Ending balance	Beginning balance
Materials and spare parts for repair	13,286,814,970	13,096,217,340

7. Prepaid expenses**7a. Short-term prepaid expenses**

	Ending balance	Beginning balance
Expenses for military uniforms, uniforms and labor protection	1,030,128,632	614,989,800
Insurance premiums	670,205,427	818,988,396
Road toll	154,970,939	173,845,769
Expenses for tools	987,983,470	1,440,501,719
Other expenses	28,665,813	77,383,874
Total	2,871,954,281	3,125,709,558

7b. Long-term prepaid expenses

	Ending balance	Beginning balance
Expenses for repairs and replacement of mattress and crane at rice packing dock	3,967,035,504	6,598,097,448
Expenses for repairs, construction at Tan Cang Nhon Trach	12,164,794,428	14,863,582,113
Expenses for repairs, renovation of Tan Cang My Thuy power supply line	419,443,639	645,161,336
Expenses for construction, interior repairs, and equipment installation at TCL building	626,129,414	1,194,121,088
Expenses for construction, upgrading at Depot Tan Cang My Thuy 2	1,382,575,129	1,756,722,265
Expenses for construction at Depot Tan Cang Tan Van	1,939,580,264	2,434,623,788
Expenses for crane repairs	3,211,322,417	4,093,823,231
Expenses for tools	540,544,573	639,049,736
Total	24,251,425,368	32,225,181,005

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

8. Tangible fixed assets

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Vehicles	Office equipment	Perennial plants	Other fixed assets	Total
Historical costs							
Beginning balance	276,465,973,529	554,296,185,447	59,188,649,459	2,790,058,413	80,000,000	11,844,818,507	904,665,685,355
New acquisition	-	3,225,963,889	-	-	-	178,500,000	3,404,463,889
Disposal and liquidation	(316,277,273)	-	-	-	-	(244,000,000)	(560,277,273)
Ending balance	276,149,696,256	557,522,149,336	59,188,649,459	2,790,058,413	80,000,000	11,779,318,507	907,509,871,971
<i>In which:</i>							
Assets fully depreciated but still in use	13,821,331,391	209,173,458,319	38,119,975,830	2,460,912,873	80,000,000	372,582,902	264,028,261,315
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-	-
Depreciation							
Beginning balance	129,272,385,528	489,659,941,403	53,492,804,049	2,547,431,791	80,000,000	4,309,955,931	679,362,518,702
Depreciation during the period	5,691,012,763	5,656,007,994	1,755,722,802	54,857,592	-	1,135,868,436	14,293,469,587
Disposal and liquidation	(255,345,725)	-	-	-	-	(244,000,000)	(499,345,725)
Ending balance	134,708,052,566	495,315,949,397	55,248,526,851	2,602,289,383	80,000,000	5,201,824,367	693,156,642,564

Net book value

Beginning balance	147,193,588,001	64,636,244,044	5,695,845,410	242,626,622	-	7,534,862,576	225,303,166,653
Ending balance	141,441,643,690	62,206,199,939	3,940,122,608	187,769,030	-	6,577,494,140	214,353,229,407

In which:

Assets temporarily not in use	-	-	-	-	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-	-

Certain tangible fixed assets with the net book value of VND 67,185,492,530 have been pledged as collateral for the Group's bank loans.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**9. Intangible fixed assets**

	Land use right (*)	Computer software	Total
Historical costs			
Beginning balance	27,991,682,391	700,229,000	28,691,911,391
New acquisition	-	250,000,000	250,000,000
Ending balance	27,991,682,391	950,229,000	28,941,911,391
<i>In which:</i>			
Assets fully amortized but still in use	-	580,229,000	580,229,000
Amortization			
Beginning balance	5,939,411,555	629,153,726	6,568,565,281
Amortization during the period	352,836,330	26,018,516	378,854,846
Ending balance	6,292,247,885	655,172,242	6,947,420,127
Net book value			
Beginning balance	22,052,270,836	71,075,274	22,123,346,110
Ending balance	21,699,434,506	295,056,758	21,994,491,264
<i>In which:</i>			
Assets temporarily not in use	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-

- (*) This represents the land use right in Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City acquired from District 2 Public Service One Member Co., Ltd., with a term of use until 30 August 2055; which has been pledged as collateral at Vietnam International Commercial Joint Stock Bank ("VIB") - Saigon Branch.

10. Construction-in-progress

	Beginning balance	Expenses incurred	Transferred to fixed assets	Transferred to expenses	Ending balance
Acquisition of fixed assets	319,315,741	3,623,148,148	(3,654,463,889)	-	288,000,000
Construction-in-progress	3,088,825,334	1,384,036,571	-	(573,337,084)	3,899,524,821
Project of relocation of petroleum warehouse of region 2	1,895,623,479	-	-	-	1,895,623,479
Other projects	1,193,201,855	1,384,036,571	-	(573,337,084)	2,003,901,342
Total	3,408,141,075	5,007,184,719	(3,654,463,889)	(573,337,084)	4,187,524,821

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

11. Short-term trade payables

	Ending balance	Beginning balance
<i>Payables to related parties</i>	<i>238,861,584,059</i>	<i>204,276,750,764</i>
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	2,348,571,233	-
Phu Huu – Newport Corporation	115,252,200	15,874,920
Tan Cang Container Services JSC.	14,307,898,195	19,947,820,777
Tan Cang Offshore Travel and Flight Services JSC.	47,410,000	35,357,000
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	48,248,090,406	32,987,606,835
Tan Cang Technical Services JSC.	7,937,857,145	10,055,503,043
Tan Cang Warehousing JSC.	167,360,670	50,447,070
Tan Cang – STC Human Resource Development Co., Ltd.	9,765,000	42,920,000
Tan Cang Ben Thanh Corporation	165,001,442,256	140,422,506,082
Tan Cang Waterway Transport JSC.	-	148,758,120
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	588,114,524	491,656,091
Tan Cang Hiep Luc JSC.	-	28,169,856
Tan Cang Overland Transport JSC.	77,222,430	27,434,970
Tan Cang HMM Logistics Co., Ltd.	12,600,000	-
Binh Duong – Newport Logistics JSC.	-	22,696,000
<i>Payables to other suppliers</i>	<i>66,834,536,965</i>	<i>67,862,398,822</i>
Total	305,696,121,024	272,139,149,586

The Group has no overdue trade payables.

12. Taxes and other obligations to the State Budget

	Beginning balance	Incurred in the year		Ending balance	
	Payable	Amount payable	Amount already paid	Payable	Receivable
VAT on local sales	216,881,929	6,839,368,046	(3,542,172,209)	3,514,077,766	-
Corporate income tax	10,368,490,106	16,519,656,194	(10,831,487,178)	16,056,659,122	-
Corporate income tax paid on behalf of the BCC's parties	1,277,903,490	-	(1,277,903,490)	-	-
Personal income tax	438,532,839	6,384,985,001	(6,557,761,250)	270,870,770	5,114,180
License duty	-	8,000,000	(8,000,000)	-	-
Foreign contractor tax (FCT)	-	14,686,465	(14,686,465)	-	-
Total	12,301,808,364	29,766,695,706	(22,232,010,592)	19,841,607,658	5,114,180

Value added tax (VAT)

The Group is subject to VAT in accordance with the deduction method. The VAT rate applied to water sale is 5%, and the VAT rates applied to other services are 8% and 10%.

Corporate income tax (CIT)

The Companies in the Group have to pay CIT for taxable income at the rate of 20%

The CIT liability of the Group is determined based on the prevailing regulations on taxes. However, these regulations may change from time to time and regulations applicable to variety of transactions can be interpreted differently. Therefore, the tax amount presented in the Interim Consolidated Financial Statements could change when being inspected by the Tax Office.

Other taxes

The Group declares and pays these taxes in line with the prevailing regulations.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**13. Short-term accrued expenses**

	Ending balance	Beginning balance
<i>Accrued expenses to related parties</i>	30,198,858,137	14,837,217,982
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	10,056,316,411	5,414,784,322
<i>Land and infrastructure rental</i>	6,165,395,339	3,372,386,322
<i>Expenses for leasing vehicles, transportation, stevedoring</i>	3,890,921,072	2,042,398,000
Tan Cang Ben Thanh Corporation	18,475,804,493	9,265,433,660
- Expenses for transportation, stevedoring, and yard storage		
<i>Infrastructure rental</i>	802,884,600	-
<i>Expenses for transportation, lifting on and lifting off, stevedoring, and yard storage</i>	17,672,919,893	9,265,433,660
Tan Cang Information Technology Solutions JSC. -		
Expenses for use of services	584,853,990	-
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.		
- Expenses for repair and maintenance	1,081,883,243	157,000,000
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	13,611,629,639	5,562,891,743
Loan interest expenses	4,408,824	22,884,171
Expenses for transportation, stevedoring, packing	4,331,098,493	2,269,994,996
Expenses for yard storage	1,360,000,000	3,243,083,758
Expenses for repair	4,930,582,533	-
Other expenses	2,985,539,789	26,928,818
Total	43,810,487,776	20,400,109,725

14. Other payables**14a. Other short-term payables**

	Ending balance	Beginning balance
<i>Payables to related parties</i>	6,773,843,048	16,460,710,372
Tan Cang Ben Thanh Corporation	-	10,598,617,337
- BCC contribution capital	-	6,000,000,000
- Payable for profit distributed from BCC results	-	4,598,617,337
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation - Payable for receipts and payments on behalf	-	21,000,000
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company		
- Profit distributed from BCC results ^(*)	6,773,843,048	5,841,093,035
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	18,833,785,423	14,688,583,215
Trade Union's expenditure	729,225,681	460,315,544
Social insurance premiums, health insurance premiums	1,282,939,521	807,034,261
Dividends payable	6,645,782,547	6,367,886,723
Deposit received for office rental	893,416,504	100,000,000
Union One Logistics and Trade Investment JSC. - Profit distributed from BCC results ^(*)	2,299,656,040	2,299,656,040
Golden Lotus Investment and Service Trading Company Limited - profit distributed from BCC results ^(*)	621,833,367	-
Payable for container deposit received on behalf	4,046,404,111	2,391,772,510
Other short-term payables	2,314,527,652	2,261,918,137
Total	25,607,628,471	31,149,293,587

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**14b. Other long-term payables**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	<i>20,813,210,000</i>	<i>20,813,210,000</i>
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company – BCC contribution capital ⁽ⁱⁱ⁾	18,750,000,000	18,750,000,000
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company - Deposit received for office rental	2,000,000,000	2,000,000,000
Tan Cang Information Technology Solutions JSC. - Deposit received for office rental	63,210,000	63,210,000
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	<i>14,525,000,000</i>	<i>15,318,416,504</i>
Union One Logistics and Trade Investment JSC. - BCC contribution capital ^(*)	-	12,500,000,000
Golden Lotus Investment and Service Trading Company Limited ("Golden Lotus") - BCC contribution capital ^(*)	12,500,000,000	-
Long-term deposits received	2,025,000,000	2,818,416,504
Total	35,338,210,000	36,131,626,504

Additional information on Business Cooperation Contracts ("BCC"):

- (ii) According to BCC No. 612/2015/TCL-HT-TT dated 26 October 2015 and the Capital Contribution Transfer Contract dated 10 January 2017 on business cooperation for the implementation of the project "receiving the transfer of land use right and investing in the construction and exploitation of office building" in Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, three participating parties are as follows: The Company contributes 50%; Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company contributes 30% and Union One Logistics and Trade Investment JSC. ("Union One") (receiving the transfer from Thu Thiem Construction, Trade and Services Co., Ltd.) contributes 20% of total investment capital of the project. On 20 December 2024, Union One transferred the entire capital contribution to Golden Lotus. The Company is the representative of the BCC, with a contract term of 50 years.

14c. Overdue debts

The Group has no other overdue payables.

15. Borrowings**15a. Short-term borrowings**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Asia Commercial Joint Stock Bank ("ACB") - Head Office – Short-term loans	-	25,000,000,000
Vietnam International Commercial Joint Stock Bank ("VIB") – Saigon Branch - Current portions of long-term loans (Note V.15b)	5,436,556,252	7,249,712,000
Total	5,436,556,252	32,249,712,000

The Group has solvency to repay short-term borrowings.

Details of increase/ (decrease) of short-term borrowings during the period are as follows:

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Beginning balance	32,249,712,000	7,249,712,000
Transfer from long-term borrowings	1,811,700,252	3,624,856,000
Amount of loans repaid	(28,624,856,000)	(3,624,856,000)
Ending balance	5,436,556,252	7,249,712,000

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**15b. Long-term borrowings**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
VIB - Saigon Branch	-	1,811,700,252

The Group has solvency to repay long-term borrowings.

A loan under Credit Agreement dated 24 January 2018, to invest in the project: "Receiving the transfer of land use right and investing in the construction and exploitation of the office building" in Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City. Total amount disbursed was VND 49,709,044,252. The loans are repayable in 28 equal quarterly installments, commencing in the 15th month from the first withdrawal date. The applicable floating interest rate are determined as of the disbursement date. Collaterals include land use right and constructions on the land financed by the loan.

Payment schedule of long-term borrowings is as follows:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Within 1 year	5,436,556,252	7,249,712,000
Over 1 year to 5 years	-	1,811,700,252
Total	5,436,556,252	9,061,412,252

Details of increase/ (decrease) of long-term borrowings are as follows:

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Beginning balance	1,811,700,252	9,061,412,252
Transfer to short-term loans	(1,811,700,252)	(3,624,856,000)
Ending balance	-	5,436,556,252

16. Bonus and welfare funds

	<u>Bonus fund</u>	<u>Welfare fund</u>	<u>Bonus fund for the Executive Officers</u>	<u>Total</u>
Beginning balance	9,799,165,892	8,756,837,462	-	18,556,003,354
Increase due to appropriation from profit	4,987,013,648	4,920,000,000	767,841,328	10,674,854,976
Other increases	15,000,000	-	-	15,000,000
Disbursements during the period	(3,756,500,000)	(4,356,375,920)	(767,841,328)	(8,880,717,248)
Other decreases	(1)	-	-	(1)
Ending balance	11,044,679,539	9,320,461,542	-	20,365,141,081

17. Owner's equity**17a. Details of owner's capital contribution**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	153,812,730,000	153,812,730,000
Other shareholders	147,771,630,000	147,771,630,000
Total	301,584,360,000	301,584,360,000

17b. Shares

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Number of ordinary shares registered to be issued	30,158,436	30,158,436
Number of ordinary shares already issued	30,158,436	30,158,436
Number of ordinary outstanding shares	30,158,436	30,158,436

Face value per outstanding share: VND 10,000.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City
 INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
 For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025
 Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

17c. Statement on changes in owner's equity

	Owner's contribution capital	Share premiums	Other funds	Investment and development fund	Retained earnings	Non-controlling interests	Total
Beginning balance of the previous year	301,584,360,000	20,712,126,338	1,512,000,000	158,032,370,821	94,553,109,542	22,467,128,404	598,861,095,105
Profit of the previous period	-	-	-	-	69,103,593,735	(9,546,658)	69,094,047,077
Appropriation for funds of the Parent Company	-	-	-	19,559,224,685	(31,104,953,851)	-	(11,545,729,166)
Dividend declared at the Parent Company	-	-	-	-	(70,160,060,957)	-	(70,160,060,957)
Appropriation for the Executive Officers' bonus fund from the prior year's profit of the Parent Company	-	-	-	-	(647,589,368)	-	(647,589,368)
Ending balance of the previous period	301,584,360,000	20,712,126,338	1,512,000,000	177,591,595,506	61,744,099,101	22,457,581,746	585,601,762,691
Beginning balance of the current year	301,584,360,000	20,712,126,338	1,512,000,000	198,962,141,295	105,466,176,752	22,416,335,160	650,653,139,545
Profit of the current period	-	-	-	-	81,110,993,476	656,674,178	81,767,667,654
Provisional appropriation for funds at the Parent Company from the current period's profit	-	-	-	19,402,932,854	(29,242,932,854)	-	(9,840,000,000)
Appropriation for funds at the Parent Company from the prior year's profit	-	-	-	-	(767,841,327)	-	(767,841,327)
Dividend declared at the Parent Company	-	-	-	-	(71,293,077,254)	-	(71,293,077,254)
Provisional appropriation for funds at subsidiaries from the current period's profit	-	-	-	68,359,877	(102,539,816)	(32,833,709)	(67,013,648)
Ending balance of the current period	301,584,360,000	20,712,126,338	1,512,000,000	218,433,434,026	85,170,778,977	23,040,175,629	650,452,874,970

17d. Profit distribution

During the period, the Parent Company distributed profit in accordance with the Resolution of 2025 Annual General Meeting of Shareholders No. 179/NQ-DHDCDTN.2025 dated 4 April 2025, as follows:

	VND
Distribution of profit after tax of 2024	
• Dividends declared to shareholders	: 71,293,077,254
• Appropriation for the Executive Officers' bonus fund	: 767,841,328
• Adjustment to decrease the previous year's bonus and welfare funds provisionally appropriated	1

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

Provisional distribution of profit after tax for the period

- *Appropriation for investment and development funds (30% of profit after tax)* : 19,402,932,854
- *Appropriation for bonus and welfare funds (25% of actual payroll fund)* : 9,840,000,000

The provisional distribution of profits for the first 6 months of 2025 of the subsidiary has been carried out in accordance with the Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.

VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INTERIM CONSOLIDATED INCOME STATEMENT**1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services****1a. Gross revenue**

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Revenue from transportation, stevedoring services	165,163,493,309	131,538,327,933
Revenue from Depot services	659,727,872,934	593,251,232,786
Revenue from other services	32,334,049,522	37,036,253,821
Total	857,225,415,765	761,825,814,540

1b. Revenue from sales of merchandise and rendering of services to related parties

Apart from rendering of services to the associates as presented in Note V.2b, the Group also has transactions of rendering of services to related parties which are not the associates as follows:

	Current period	Previous period
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	387,783,469,377	397,196,602,087
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company	2,655,225,483	2,652,200,445
Tan Cang Warehousing JSC.	1,523,198,514	1,260,883,223
Tan Cang Overland Transport JSC.	4,988,699,110	1,592,460,703
Tan Cang Waterway Transport JSC.	966,896,312	941,318,616
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	837,497,000	1,282,257,926
Phu Huu – Newport Corporation	293,454,000	400,706,223
Tan Cang Hiep Luc JSC.	50,359,000	44,047,600
Tan Cang Container Services JSC.	548,562,089	298,206,943
Tan Cang Maritime Services JSC.	8,140,000	6,290,000
Tan Cang – Cai Mep International Terminal Co., Ltd.	184,364	47,867,272
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	264,152,000	261,989,000
Binh Duong – Newport Logistics JSC.	-	1,341,170,371
Cat Lai Logistics JSC.	1,750,514,070	-

2. Costs of sales

This represents the cost of services rendered during the period.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**3. Financial income**

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Interest from term deposits in banks	4,215,601,096	3,376,975,341
Interest from demand deposits in banks	13,943,825	11,434,291
Dividends and profit received	3,304,125,000	4,764,871,500
Total	7,533,669,921	8,153,281,132

4. Selling expenses

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Commission expenses	12,481,443,102	11,092,825,421
Expenses for external services	1,699,455,251	1,951,541,204
Other expenses	1,560,015,382	1,038,350,000
Total	15,740,913,735	14,082,716,625

5. General and administration expenses

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Labor costs	17,657,327,050	19,539,965,754
Materials, supplies	36,536,036	38,600,334
Office supplies	534,006,722	344,368,125
Depreciation/amortization of fixed assets	344,373,590	407,293,452
Taxes, fees and legal fees	29,364,212	37,070,998
Expenses for external services	5,066,201,588	4,761,269,535
Other expenses	10,848,408,906	9,751,443,645
Total	34,516,218,104	34,880,011,843

6. Earnings per share ("EPS")**6a. Basic/Diluted EPS**

	Current period	Previous period
Accounting profit after corporate income tax	81,110,993,476	69,103,593,735
Appropriation for bonus and welfare funds, and the Executive Officers' bonus fund	(9,840,000,000)	(11,545,729,166)
Profit used to calculate basic/diluted EPS	71,270,993,476	57,557,864,569
Average number of ordinary shares outstanding during the year	30,158,436	30,158,436
Basic/diluted EPS	2,363	1,909

6b. Other information

There have not been any transactions of ordinary shares or potential transactions of ordinary shares from the balance sheet date to the disclosure date of these Interim Consolidated Financial Statements.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**7. Operating costs by factors**

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Materials and supplies	25,753,731,347	34,811,128,238
Labor costs	55,391,259,600	60,716,104,444
Depreciation/amortization of fixed assets	13,945,205,511	15,360,062,676
Expenses for external services	660,643,174,558	551,755,495,099
Other expenses	30,398,997,392	26,900,843,571
Total	786,132,368,408	689,543,634,028
<i>(*) Details of depreciation/amortization expenses are as follows:</i>		
Total depreciation expenses during the period	14,672,324,433	16,087,181,598
(Notes V.8, V.9)		
Depreciation expenses allocated to BCC's party	(727,118,922)	(727,118,922)
Depreciation expenses of the Group	13,945,205,511	15,360,062,676

VII. OTHER DISCLOSURES**1. Operating lease commitments***The Company as a lessee*

Lessor	Location	Lease term
Construction Investment Joint Stock Company N0.14	42,000 m ² in Cat Lai Industrial Park	From 8 May 2023 to 14 March 2026
Quang Minh Investment Construction Transport JSC.	16,069.2 m ² in Cat Lai Industrial Park	From 1 November 2023 to 31 December 2028
Tincons Co., Ltd.	39,048 m ² in Di An Ward, Ho Chi Minh City	From 5 September 2023 to 12 February 2029

The total minimum lease payment in the future for irrevocable leasing agreements will be settled as follows:

	Ending balance	Beginning balance
Within 1 year	49,064,725,466	54,653,606,357
Over 1 year to 5 years	93,436,306,136	114,525,275,728
Over 5 years	-	-
Total	142,501,031,602	169,178,882,085

2. Transactions and balances with the related parties

The related parties of the Group include the key managers, their related individuals and other related parties.

2a. Transactions and balances with the key managers and their related individuals

The key managers include the Board of Directors ("BOD"), the Board of Supervisors ("BOS") and the Executive Officers (the Board of Management ("BOM") and the Chief Accountant). The key managers' related individuals are their close family members.

The Group has no transactions or outstanding balances with the key managers and their related individuals.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**2b. Transactions and balances with the related parties**

Other related parties of the Group include:

Name	Relationship
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	Parent Company
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	Associate
Tan Cang Ben Thanh Corporation	Associate
Cat Lai – Eastern Sai Gon JSC.	Associate
Tan Cang Construction JSC.	Entity within the same Group
ICD Tan Cang Song Than JSC.	Entity within the same Group
Tan Cang Warehousing JSC.	Entity within the same Group
ICD Tan Cang – Long Binh JSC.	Entity within the same Group
Tan Cang Overland Transport JSC.	Entity within the same Group
Tan Cang Waterway Transport JSC.	Entity within the same Group
Tan Cang Technical Services JSC.	Entity within the same Group
Tan Cang – Cai Mep JSC.	Entity within the same Group
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	Entity within the same Group
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	Entity within the same Group
Tan Cang – STC Human Resource Development Co., Ltd.	Entity within the same Group
Tan Cang First Construction JSC.	Entity within the same Group
Phu Huu – Newport Corporation	Entity within the same Group
Tan Cang Fuel JSC.	Entity within the same Group
Tan Cang Trading and Reefer Container Services JSC.	Entity within the same Group
Tan Cang Hiep Luc JSC.	Entity within the same Group
Cat Lai Port JSC.	Entity within the same Group
SITC Newport Logistics Co., Ltd.	Entity within the same Group
Tan Cang Container Services JSC.	Entity within the same Group
Tan Cang – Tay Ninh JSC.	Entity within the same Group
Tan Cang HMM Logistics Co., Ltd.	Entity within the same Group
Tan Cang Offshore Travel and Flight Services JSC.	Entity within the same Group

Transactions with other related parties

Apart from transactions as presented in Note V.2 and Note VI.1b, the Group also has other significant transactions with other related parties as follows:

	Current period	Previous period
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation		
Using services rendered by the Parent Company	4,190,137,899	4,966,015,957
Dividends payable to the Parent Company	36,360,581,970	35,782,725,977
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company		
Allocating BCC's revenue	2,330,816,030	2,322,507,144
Allocating BCC's expenses	1,507,994,591	1,589,975,063
Cat Lai Port JSC.		
Dividends receivable	3,304,125,000	3,217,500,000
Using services rendered by the related parties		
Tan Cang Overland Transport JSC.	212,525,410	82,794,000
Tan Cang Waterway Transport JSC.	404,150,500	1,563,411,200
Tan Cang Technical Services JSC.	21,168,283,940	27,696,851,754

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

	Current period	Previous period
Tan Cang Information Technology Solutions JSC	1,865,309,871	1,355,484,131
Tan Cang Hiep Phuoc Logistics JSC.	59,294,400	65,629,300
Phu Huu – Newport Corporation	118,088,000	94,658,000
Tan Cang – STC Human Resource Development Co., Ltd.	130,513,667	22,794,815
Tan Cang Hiep Luc JSC.	59,791,600	41,699,500
Tan Cang HMM Logistics Co., Ltd.	53,972,222	15,333,329
Tan Cang Container Services JSC.	16,062,602,499	10,980,218,059
Tan Cang Offshore Travel and Flight Services JSC.	232,839,890	221,107,675
Tan Cang Warehousing JSC.	190,360,083	211,021,000
Tan Cang – Tay Ninh JSC.	-	148,605,000
Binh Duong – Newport Logistics JSC.	41,850,000	107,250,000

Outstanding balances with other related parties are presented in Notes V.3, V.5a, V.11, V.13 and V.14.

Receivables from other related parties are unsecured and will be paid in cash. No allowance has been made for the receivables from other related parties.

3. Segment information

The Group only operates in the field of providing transportation, forwarding, stevedoring services in the area of Cat Lai Port, in the Vietnamese territory. Therefore, the Group does not present the segment reporting by business segment or geographical segment.

4. Subsequent events

There have been no material events after the balance sheet date, which require to make adjustments on the figures or to be disclosed in the Interim Consolidated Financial Statements.

Prepared on 26 August 2025

Prepared by

Chief Accountant

Director





 Nguyen Xuan Tan

 Pham Thi Thu Ha

 Le Van Cuong
